BỘ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ
SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ ĐIỆN BIÊN

unicef

KIỂM TOÁN XÃ HỘI DỰA TRÊN QUYỀN TRẺ EM VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH ĐIỆN BIÊN

Tháng 11 năm 2014

MỤC LỤC

1. Giới thiệu chung 9

2. Phương pháp thu thập số liệu và công cụ 12

3. Các phát hiện chính 13

3.1 Các phát hiện từ rà soát kế hoạch 5 năm 2011-2015 ở cấp tỉnh 14

3.1.1 Kết quả rà soát Nội dung Bản kế hoạch 5 năm 2011-2015 14

3.1.2 Qui trình lập kế hoạch và phân tích 16

3.1.3 Triển khai thực hiện kế hoạch 18

3.1.4 Theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch 18

3.2.2 Qui trình lập kế hoạch hàng năm 21

3.2.4 Theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch 22

3.3 Các phát hiện từ rà soát ở cấp huyện với kế hoạch hàng năm 2014 23

3.3.1 Kết quả rà soát nội dung bản kế hoạch hàng năm cấp huyện 23

3.3.2 Quy trình lập kế hoạch và phân tích 25

3.3.3 Triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch 26

3.3.4 Sự tham gia của trẻ em vào các chương trình 26

3.4 So sánh chéo giữa các ngành 27

3.5 Môi trường thể chế và năng lực về lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em cho các cán bộ địa phương 29

4. Các kết luận và kiến nghị 30

4.1 Kết luận 30

4.2 Kiến nghị 31

5. Hạn chế của đợt Kiểm toán và Bài học kinh nghiệm 32

Tài liệu tham khảo 35

Phụ lục 35

Phụ lục 1. Các bảng tổng hợp kết quả kiểm toán qui trình lập kế hoạch và nội dung bản kế hoạch có sự tham gia của cán bộ kế hoạch các sở và hai huyện 36

Phụ lục 2: Danh sách những người đã gặp 45

Phụ lục 3. Bộ công cụ 46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tổng hợp kết quả rà soát mức độ phản ánh quyền trẻ em trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 tại Điện Biên 14

Bảng 2. Tổng hợp kết quả rà soát mức độ phản ánh quyền trẻ em trong kế hoạch 2014 tại Điện Biên 20

Bảng 3. Đánh giá về năng lực cán bộ để thực hiện lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em 29

Bảng 4. Bảng kiểm qui trình lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em của các sở và các phòng- qui trình lập kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm 36

Bảng 5. Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch đến 2015/chỉ số chủ yếu liên quan đến 4 nhóm quyền cơ bản của trẻ em trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2011-2015) của tỉnh Điện Biên 37

Bảng 6. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em trong kế hoạch PTKTXH 5 năm (2011-2015) và kế hoạch năm 2014 của các sở ngành 39

Bảng 7. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em vào kế hoạch năm 2014 của các đơn vị cấp huyện 40

Bảng 8: Bảng kiểm mức độ lồng ghép giữa các đơn vị chức năng cấp tỉnh và huyện trong việc lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em 41

Bảng 9: Bảng kiểm hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá của các sở và các phòng ban cấp huyện 42

Bảng 10. Bảng kiểm hệ thống thu thập số liệu và thông tin của các sở và các phòng ban cấp huyện 43

Bảng 11. Bảng kiểm năng lực kỹ thuật của các sở trong việc nắm rõ các quyền trẻ em và chuyển thành các mục tiêu/hành động trong bản kế hoạch 44

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Kết quả rà soát bản kế hoạch năm 2014 của 9 phòng chuyên môn tại 2 huyện theo quyền trẻ em 23

Hình 2. So sánh kết quả rà soát quy trình lập kế hoạch hàng năm của 4 ngành ở hai cấp 27

Hình 3. So sánh mức độ phản ánh quyền trẻ em trong bản kế hoạch năm 2014 của 4 ngành tại 2 cấp 28

BẢNG CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
CEDAW	Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CRBSA	Kiểm toán Xã hội dựa trên Quyền Trẻ em
CRC	Thẻ báo cáo dân
CSC	Thẻ cho điểm Cộng đồng
CSO	Tổ chức xã hội dân sự
FGD	Thảo luận nhóm trọng tâm
GA	Kiểm toán giới
INGO	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KH PTKTXH	Kế hoạch Phát triển Kinh tế-xã hội
LĐ, TB&XH	Lao động, Thương binh và Xã hội
MDGs	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
NGO	Tổ chức phi chính phủ
ODI	Viện Phát triển Hải ngoại
QLKTTW	Quản lý kinh tế trung ương
PETS	Khảo sát Theo dõi Chi tiêu công
TD-ĐG	Theo dõi - Đánh giá
Tp HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc

TÓM TẮT

Từ những năm 2010, UNICEF cùng với các đối tác ở trung ương và các tỉnh đã thử nghiệm một số công cụ theo phương pháp tiếp cận kiểm toán xã hội như Thẻ báo cáo công dân (CRC) thí điểm ở TP HCM và tỉnh Điện Biên; Thẻ cho điểm cộng đồng (CSC) và Kiểm toán Giới thí điểm ở TP HCM và tỉnh Quảng Ngãi và Khảo sát theo dõi chi tiêu công (PETS) thí điểm ở tỉnh Trà Vinh, TPHCM và tỉnh Điện Biên. Về tổng thể, qua các đợt thử nghiệm này, phương thức kiểm toán xã hội được nhìn nhận như một cơ chế quản lý giúp xây dựng và áp dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật để cơ quan chủ quản rà soát và đánh giá nhằm tìm ra giải pháp nâng cao các kết quả xã hội của một tổ chức, một kế hoạch hay một chính sách.

Trong bối cảnh nhiều địa phương đang nỗ lực đổi mới công tác quản trị nhà nước, Quyết định 266/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Điện Biên đánh dấu một mốc quan trọng của việc đổi mới công tác lập kế hoạch của tỉnh khi tăng sự chủ động của toàn tỉnh trong lập kế hoạch, quy định rõ về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đặc biệt trong Quyết định này đã bước đầu đặt vấn đề về việc sử dụng các "công cụ kiểm toán xã hội như một nguồn thông tin quan trọng bổ sung cho kết quả đánh giá".

Để từng bước chuyển giao công cụ cho các cán bộ địa phương, góp phần hỗ trợ địa phương nâng cao năng lực lập kế hoạch, từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014, UNICEF tại Việt Nam đã cùng nhóm chuyên gia từ Trung tâm Phát triển Nông thôn triển khai ứng dụng Sổ tay và Bộ công cụ về Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em tại Điện Biên. Các đơn vị tham gia triển khai công cụ gồm 05 Sở Kế hoạch Đầu tư, Tài chính, LĐTBXH, GD&ĐT và Sở Y tế. Ngoài ra còn có cán bộ các phòng chức năng thuộc ngành dọc ở 2 huyện Điện Biên Đông và Mường Ảng.

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp có sự tham gia trên cơ sở nghiên cứu định lượng kết hợp định tính với bộ công cụ hỗ trợ cho việc áp dụng các phương pháp này là 02 bảng rà soát: (i) rà soát quy trình lập kế hoạch và (ii) rà soát bản kế hoạch. Với hai bảng rà soát, nhóm nghiên cứu và cán bộ của từng ngành cùng rà soát theo từng câu hỏi cho quy trình lập kế hoạch (39 câu hỏi chia làm 4 phần), tiến hành đánh giá và phân loại mức độ lồng ghép và thể hiện 9 nhóm quyền trẻ em trong bản kế hoạch theo 4 mức từ 1 đến 4 (định lượng) (15 câu hỏi) với bằng chứng, trích dẫn cụ thể cũng như các nhận xét, góp ý theo chiều sâu (định tính). Chi tiết Bộ công cụ được giới thiệu trong Phụ lục 3.

Buổi họp khởi động ở cấp tỉnh với nhóm nòng cốt gồm cán bộ lập kế hoạch các Sở (ngày 22-23/5) đã đóng góp về nội dung và việc rà soát được mở rộng từ 4 quyền theo Công ước quốc tế để cụ thể thành 9 nhóm quyền theo Luật BVCSTE Việt Nam. Công tác thu thập dữ liệu ở tỉnh và cấp huyện triển khai trong tuần từ 11-14/6/2014 khi nhóm tư vấn tiến hành phỏng vấn sâu với từng ngành cấp tỉnh và triển khai thảo luận nhóm ở hai huyện. Tại mỗi huyện cũng tiến hành một thảo luận nhóm với người chăm sóc trẻ và một thảo luận nhóm với nhóm trẻ nhằm tìm hiểu sự tham gia trong các chương trình, hoạt động của địa phương.

Một số phát hiện chính từ đợt kiểm toán này bao gồm:

Tương tự như phát hiện từ báo cáo Kết quả Rà soát Việc lồng ghép các vấn đề liên quan đến trẻ em trong Kế hoạch PTKTXH năm 2013 cấp tỉnh (về tính thân thiện với trẻ em), đợt rà soát này đối với Kế hoạch 2014 cả cấp tỉnh và 2 huyện (Mường Ảng và Điện Biên Đông) của tỉnh Điện Biên đều nhận thấy các bản kế hoạch nói chung đã tập trung lồng ghép cho nhóm quyền Hành động vì lợi ích cao nhất của trẻ em - các bản kế hoạch của các ngành đều đã phản ảnh nhóm quyền được phát triển và được bảo vệ ở mức độ khá. Tuy nhiên nhóm quyền được tham gia vẫn còn rất hạn chế.

Tuy đã có những yếu tố đổi mới song quy trình lập kế hoạch vẫn áp dụng phương pháp từ trên xuống, chưa có nhiều sự tham gia của trẻ em và người chăm sóc trẻ và chưa gắn với ngân sách trong quá trình lập kế hoạch. Các số liệu về tình trạng bất bình

đẳng của trẻ em chưa được bóc tách rõ ràng theo giới và dân tộc. Phân tích nguồn lực tài chính mới chỉ tập trung vào các nguồn lực cam kết, mà không phân tích và định hướng tìm kiếm các nguồn lực khác.

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế và công nghiệp chưa đưa các thông tin/số liệu liên quan đến tình trạng của trẻ em như số trẻ được hưởng lợi hay bị ảnh hưởng từ các chương trình. Hợp phần môi trường chưa xây dựng các giải pháp phòng tránh hay giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu hay phòng tránh thiên tai đến đời sống của trẻ. Các chương trình mục tiêu quốc gia chưa có số liệu về số trẻ được hưởng lợi (trực tiếp, gián tiếp) từ chương trình. Các chương trình trọng tâm vào trẻ chưa gắn với các nguồn lực nên việc thực hiện kế hoạch chưa đạt hiệu quả cao.

Cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá thông qua báo cáo bằng văn bản theo định kỳ: tháng, quí và năm. Mới chỉ có một vài đơn vị xây dựng Khung kế hoạch và Khung theo dõi giám sát và đánh giá trong các bản kế hoạch. Việc theo dõi, giám sát đánh giá có sự tham gia của cộng đồng bao gồm cả trẻ em chưa được thực hiện. Các số liệu thông tin chưa bóc tách rõ ràng về tình trạng của trẻ bao gồm: tuổi, nơi ở, giới tính, dân tộc, khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội, trẻ sống chung với HIV/AIDS.

Sự hiểu biết về công tác lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em của các cán bộ tham gia lập kế hoạch còn hạn chế, Năng lực kỹ thuật của các cán bộ kế hoạch trong việc chuyển các khái niệm thành các chỉ tiêu kế hoạch hay các hoạt động chưa cao.

Trong điều kiện tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định 266 của UBND tỉnh về "qui định trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt theo dõi, đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo hướng đổi mới có sự tham gia của các bên liên quan, khuyến khích sử dụng các công cụ kiểm toán xã hội, đợt kiểm toán này đúc rút một số đề xuất như sau:

- Tranh thủ kết hợp với các hoạt động, chương trình hỗ trợ để tăng cường năng lực cho các cán bộ kế hoạch về các quyền trẻ em và các kỹ thuật chuyển các quyền trẻ thành các mục tiêu, chỉ tiêu, hoạt động cụ thể vào bản kế hoạch. Đồng thời chú trọng tới các ngành đang tiên phong về lập kế hoạch theo phương pháp tiếp cận quyền trẻ em như ngành GD&ĐT để triển khai thành công, thông qua đó chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý, lãnh đạo địa phương các cấp về các quyền trẻ em, lồng ghép quyền trẻ em trong các hoạt động của kế hoạch và kỹ năng quản lý điều phối các chương trình ưu tiên cho trẻ em.

- Tiếp tục khuyến khích triển khai đồng bộ và đi vào thực chất qui trình tham vấn có sự tham gia của cộng đồng bao gồm cả các nhóm trẻ và cha mẹ, người chăm sóc trẻ, - tranh thủ tận dụng các kênh sẵn có như các hoạt động tập thể của các trường học, các cộng đồng địa phương.

- Tăng cường việc hỗ trợ các huyện xây dựng Khung kế hoạch, phát triển thành khung theo dõi, giám sát và đánh giá và củng cố việc triển khai các cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá có sự tham gia của cộng đồng, bao gồm cả các nhóm trẻ. Đặc biệt nên ưu tiên lưu tâm đưa vào đánh giá, phân tích tác động tiềm ẩn của các các chương trình không trực tiếp hướng vào trẻ nhưng có tác động đáng kể đến trẻ như tái định cư, nước sạch, vệ sinh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, v.v…

- Sở KHĐT phối hợp Cục Thống kê tỉnh, tranh thủ các chương trình có liên quan để rà soát lại các chỉ tiêu kế hoạch và thống nhất các biểu mẫu và cách thu thập số liệu thống kê, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với điều kiện hiện tại. Trong từng giai đoạn cần xác định các chỉ tiêu liên quan đến nhóm quyền trẻ em nào cần được lựa chọn và đưa vào trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Song song với quá trình đó, cũng cần hỗ trợ các ngành hoàn chỉnh bộ chỉ số bóc tách rõ ràng về tình trạng bất bình đẳng của trẻ bao gồm: tuổi, giới tính, nơi ở, dân tộc, khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn, trẻ sống chung với HIV/AIDS. Hình thành cơ chế thu thập dữ liệu để đảm bảo chất lượng và từng bước xây dựng các điều tra cơ bản để kiểm định những tiến bộ trong đời sống của trẻ.

- Việc lồng ghép các mục tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu liên quan đến quyền trẻ em của các ngành nên được thể hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, hạn chế tình trạng các kế hoạch vì trẻ em được quyết định riêng lẻ, khi có dự án hỗ trợ thì mới có quyết định ban hành và triển khai.

Từ phía UNICEF với góc độ một tổ chức có chuyên môn và có thể huy động nguồn lực hỗ trợ tỉnh có thể triển khai một số trợ giúp như sau cho Điện Biên để thực hiện các khuyến nghị nêu trên:

- Hỗ trợ xây dựng và giới thiệu bộ chỉ số thể hiện các quyền của trẻ em, có hướng dẫn để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, cơ quan liên quan;

- Hoàn thiện bộ công cụ Kiểm toán xã hội (gồm biểu mẫu đánh giá, tổng hợp và mẫu báo cáo dạng đơn giản) nhằm cung cấp các tài liệu dạng Đánh giá nhanh (danh mục kiểm tra) để giúp các đơn vị tự rà soát, đánh giá và cải thiện quy trình cũng như nội dung bản kế hoạch của đơn vị mình theo hướng phản ánh ngày càng nhiều hơn các quyền của trẻ em.

KIỂM TOÁN XÃ HỘI DỰA TRÊN QUYỀN TRẺ EM VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Giới thiệu chung

Từ những năm 2010, UNICEF cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và một số tỉnh đã thử nghiệm một số công cụ theo phương pháp tiếp cận kiểm toán xã hội như Thẻ báo cáo công dân (CRC) thí điểm ở TP HCM và tỉnh Điện Biên; *Thẻ cho điểm cộng đồng* (CSC) và *Kiểm toán Giới* thí điểm ở TP HCM và tỉnh Quảng Ngãi và *Khảo sát theo dõi chi tiêu công* (PETS) thí điểm ở tỉnh Trà Vinh, TPHCM và tỉnh Điện Biên. Tiếp sau giai đoạn thử nghiệm này, năm 2012, UNICEF và Bộ Kế hoạch-Đầu tư đã hoàn thiện và công bố Bộ công cụ Kiểm toán xã hội. Bộ công cụ năm bao gồm năm công cụ chính: *Thẻ báo cáo công dân* (CRC), *Thẻ cho điểm cộng đồng* (CSC), *Kiểm toán Giới, Khảo sát theo dõi chi tiêu công và Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em.*

Về tổng thể, phương thức kiểm toán xã hội được nhìn nhận như một cơ chế quản lý giúp xây dựng và áp dụng các phương pháp, công cụ và kỹ thuật để cơ quan chủ quản rà soát và đánh giá nhằm tìm ra giải pháp nâng cao *các kết quả xã hội* của một tổ chức, một kế hoạch hay một chính sách. Các công cụ kiểm toán xã hội có tính thực tiễn cao, phù hợp với các nguyên tắc quản trị quốc gia và không những chỉ ra điểm tốt theo quy chuẩn mà quan trọng hơn là thông qua việc rà soát, đánh giá sẽ thu thập những thông tin cần thiết để nâng cao hiệu quả của quá trình ra quyết định, phân bổ nguồn lực và cung cấp dịch vụ nói chung. Đặc biệt trong bối cảnh môi trường chính sách hiện tại ở cả trung ương và địa phương đều đang diễn ra quá trình "Đổi mới" để xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các ưu tiên và chính sách xã hội đang ngày càng được đưa vào trọng tâm của các bản Kế hoạch Phát triển KTXH. Trong điều kiện đó, kiểm toán xã hội đã dần khẳng định được tác dụng quan trọng để đánh giá mức độ ưu tiên cho các mục tiêu xã hội trong toàn bộ quy trình quản lý. Với việc sử dụng phương pháp tham gia và kết hợp phân tích định tính và định lượng, các công cụ Kiểm toán xã hội đã bổ sung thêm thông tin cho hệ thông báo cáo hành chính hiện tại với quan điểm của người dân. Phương thức tiếp cận kiểm toán xã hội có thể góp phần làm gia tăng kết quả xã hội và giải quyết một số thách thức được chỉ ra trong quá trình theo dõi và đánh giá các nội dung xã hội của KHPTKTXH.[1]

Quyết định 266/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Điện Biên đánh dấu một mốc quan trọng của việc đổi mới công tác lập kế hoạch của tỉnh khi tăng sự chủ động của toàn tỉnh trong lập kế hoạch, quy định rõ về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đặc biệt trong Quyết định này đã bước đầu đặt vấn đề về việc sử dụng các "công cụ kiểm toán xã hội như một nguồn thông tin quan trọng bổ sung cho kết quả đánh giá".

Trong các bộ công cụ đã được giới thiệu, công cụ Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em là công cụ đặt trọng tâm nhiều nhất vào trẻ em, tìm hiểu mức độ phản ánh các quyền của trẻ em trong quá trình phân tích những vấn đề liên quan chính đến trẻ em để từ đó xây dựng kế hoạch, chính sách cho trẻ em như chất lượng cung cấp dịch vụ y tế và bình đẳng giới. Công cụ Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em được thiết kế để tạo thêm giá trị gia tăng cho những nỗ lực hiện tại nhằm đánh giá và cải thiện các chính sách xã hội và chương trình đầu tư công thông qua việc áp dụng một lăng kính phân tích có "tính nhạy cảm đối với trẻ em" và tạo điều kiện để trẻ em và người chăm sóc cùng tham gia với tư cách là những đối tác chính trong quá trình đánh giá để thu thập các thông tin cụ thể nhằm nâng cao tác động tích cực của các chính sách và chương trình vì trẻ em.

Đối tượng hướng tới hàng đầu của bộ công cụ này là các cán bộ chính quyền, đặc biệt thuộc ngành xã hội và Kế hoạch và Đầu tư. Phạm vi ứng dụng ban đầu của phương pháp Kiểm toán xã hội là Kế hoạch Phát triển KTXH tổng thể nhưng cũng có thể áp dụng cho các chính sách ngành bao gồm cả những chính sách chung và những chính

1 Thapa, Samman J. (2011) "Phương pháp tiếp cận Kiểm toán Xã hội ở Việt Nam: Giá trị gia tăng đối với việc xây dựng KHPTKTXH có sự cùng tham gia và giới thiệu các công cụ" bài trình bày bằng PowerPoint, Hà Nội, tháng 11)

sách tập trung cho trẻ em; cũng có thể áp dụng cho cả cấp trung ương và cấp tỉnh. Trọng tâm của công cụ là rà soát, đánh giá các chương trình và chính sách trực tiếp hoặc gián tiếp đóng góp cho việc cải thiện cuộc sống của trẻ em (gồm các chính sách và chương trình hướng tới trẻ em thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, bảo trợ xã hội, nước sạch và vệ sinh nông thôn, môi trường ...).

Để từng bước chuyển giao công cụ cho các cán bộ địa phương, góp phần hỗ trợ địa phương nâng cao năng lực lập kế hoạch, từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014, UNICEF tại Việt Nam đã cùng nhóm chuyên gia từ Trung tâm Phát triển Nông thôn triển khai ứng dụng Sổ tay và Bộ công cụ về Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em tại Điện Biên. Các đơn vị tham gia triển khai công cụ gồm 05 Sở: Kế hoạch Đầu tư, Tài chính, LĐTBXH, GD&ĐT và Sở Y tế. Ngoài ra còn có cán bộ các phòng chức năng thuộc ngành dọc ở 2 huyện Điện Biên Đông và Mường Ảng.

Điện Biên là một trong những tỉnh nghèo ở vùng miền núi phía Bắc. Tổng số dân của tỉnh năm 2013 là 527.290 người, gồm 19 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm 37,99%, dân tộc H'Mông chiếm 34,8%, dân tộc Kinh chiếm 18,42% và các dân tộc khác như Dao, Khơ mú, Hà Nhì…. Tổng diện tích của tỉnh là 9.562,9 km2 với đường biên giới dài 360 km với Lào và 40,8 km với Trung Quốc. Về mặt hành chính, tỉnh Điện Biên gồm 10 huyện và thành phố/thị xã với 130 xã, phường, thị trấn.

Hai huyện tham gia triển khai bộ công cụ gồm huyện Điện Biên Đông là huyện được Unicef hỗ trợ trong Chương trình Tỉnh bạn hữu và huyện Mường Ảng chưa tham gia chương trình Tỉnh bạn hữu. Năm 2013 huyện Điện Biên Đông có dân số là 60.442 người, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 47,65% và tỷ lệ hộ dân tộc chiếm tới 95,8%. Tương tự điều kiện ở Điện Biên Đông, Mường Ảng nhiều năm qua cũng là một trong các huyện nghèo của tỉnh Điện Biên với dân số là 43,313 người trong đó số hộ nghèo là 3.978 hộ chiếm tỷ lệ 42,22%. Có 9 dân tộc sinh sống chiếm trên 90% số dân toàn huyện.

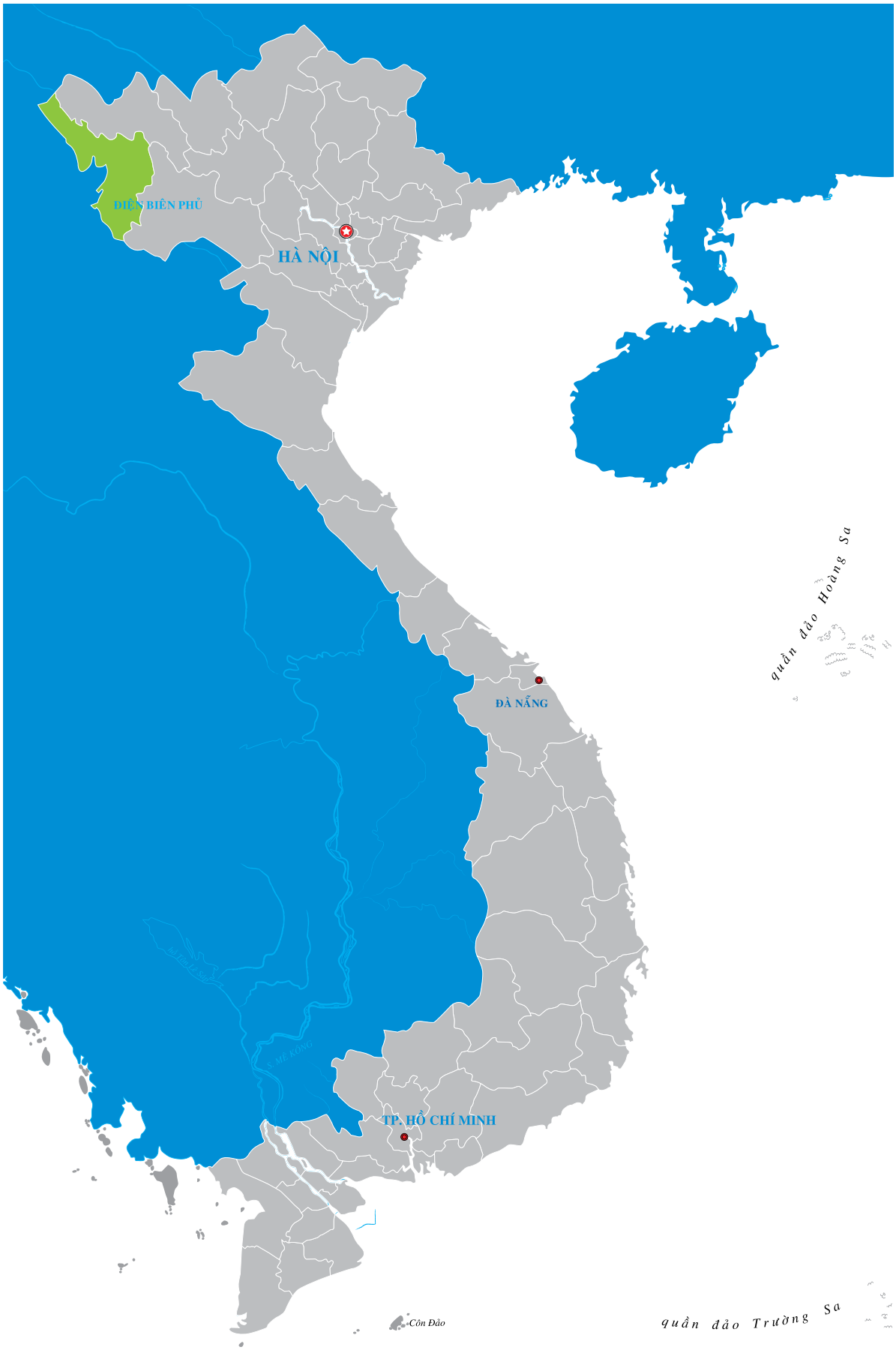
ĐIỆN BIÊN PHỦ
HÀ NỘI
ĐÀ NẴNG
TP. HỒ CHÍ MINH
quần đảo Hoàng Sa
quần đảo Trường Sa
Côn Đảo

2. Phương pháp thu thập số liệu và công cụ

Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em về bản chất chính là việc rà soát, đánh giá các nguyên tắc về quyền trẻ em (nhu cầu, lợi ích) được lồng ghép, thể hiện như thế nào vào các chính sách, kế hoạch, chương trình và mức độ triển khai chúng nhằm xác định những thiếu hụt tiềm ẩn và đề xuất các ưu tiên để hành động. Việc triển khai như vậy nhằm nhìn nhận lại và xác định những khâu cần cải thiện để tăng cường thêm được mức độ lồng ghép.

Công ước quốc tế về Quyền trẻ em cung cấp một khung pháp lý tổng quát với bốn nguyên tắc chính được thể chế hóa trong Công ước gồm Không phân biệt đối xử, hành động vì lợi ích cao nhất của trẻ em, Quyền được sống, tồn tại và phát triển, và tôn trọng quan điểm của trẻ em. Để có thể rà soát cụ thể, nhóm nghiên cứu cùng các cán bộ lập kế hoạch các ngành của Điện Biên đã chi tiết thêm theo 9/10 nhóm quyền được quy định trong Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em Việt Nam (nhóm không rà soát quyền có tài sản).

Để thực hiện được yêu cầu này cũng như nhằm mục tiêu nâng cao năng lực cho các cán bộ lập kế hoạch, nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp có sự tham gia. Ngoài ra, để hỗ trợ việc thu thập dữ liệu, so sánh chéo giữa các đơn vị, các cấp, các ngành đồng thời đúc rút được các nhận xét, góp ý, phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp định tính đã được áp dụng.

Công cụ hỗ trợ cho việc áp dụng các phương pháp này là 02 bảng rà soát: (i) rà soát quy trình lập kế hoạch và (ii) rà soát bản kế hoạch. Với hai bảng rà soát, nhóm nghiên cứu và cán bộ của từng ngành cùng rà soát theo từng câu hỏi cho quy trình (39 câu hỏi chia làm 4 phần), tiến hành đánh giá và phân loại mức độ lồng ghép và thể hiện 9 nhóm quyền trẻ em theo 4 mức từ 1 đến 4 (định lượng) (15 câu hỏi) với bằng chứng, trích dẫn cụ thể cũng như các nhận xét, góp ý theo chiều sâu (định tính). Chi tiết Bộ công cụ được giới thiệu trong Phụ lục 3.

Sự tham gia được triển khai ngay từ giai đoạn đầu khi Bộ công cụ được xây dựng và giới thiệu sơ bộ tại buổi họp khởi động ở cấp tỉnh với nhóm nòng cốt gồm cán bộ lập kế hoạch các Sở (ngày 22-23/5). Các cán bộ đã đóng góp về nội dung, (nên mở rộng từ 4 quyền theo Công ước quốc tế để cụ thể thành 9 nhóm quyền theo Luật BVCSTE Việt Nam).

Công tác thu thập dữ liệu ở tỉnh và cấp huyện triển khai trong tuần từ 11-14/6/2014. Một tư vấn phỏng vấn sâu với cán bộ lập kế hoạch của từng ngành ở cấp tỉnh. Hai tư vấn tiến hành làm việc song song ở hai huyện gồm thảo luận nhóm với cán bộ lập kế hoạch của các phòng ban, thảo luận nhóm với các cán bộ lập kế hoạch của phòng Tài chính Kế hoạch. Phương thức thực hiện được thống nhất theo một tiến trình đã định- rà soát 2 bảng chấm điểm và nhận định về quy trình lập kế hoạch và về bản kế hoạch. Các điểm số được lưu ý nhất là các câu hỏi với điểm số ở mức 1 hoặc 4 nhằm đảm bảo mức điểm và nhận định ở mức khách quan nhất có thể.

Đối tượng tập trung cho rà soát gồm các bản kế hoạch 5 năm (2011-2015) và năm 2014 của các sở gồm: Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Y tế, Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT). Riêng Sở Tài chính do đặc thù riêng của ngành chỉ tiến hành lập dự toán ngân sách, không có bản kế hoạch như những ngành khác nên việc kiểm toán xã hội tiến hành dựa trên qui trình lập dự toán chung và theo dõi ngân sách. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng phối hợp với cán bộ các phòng chức năng trực thuộc hai huyện Điện Biên Đông và Mường Ảng (Phòng LĐTBXH, GD&ĐT, Y tế, Tài chính và Kế hoạch) tiến hành rà soát bản kế hoạch ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của hai huyện.

Bên cạnh đó, ở mỗi huyện cũng tiến hành 2 thảo luận nhóm có sự tham gia của nhóm người chăm sóc trẻ và nhóm trẻ nhằm thu thập thông tin và đánh giá về công tác triển khai và lồng ghép quyền trẻ em trong một số chương trình cụ thể. Tại Điện Biên Đông,

nhóm nghiên cứu cùng cán bộ huyện tìm hiểu về chương trình Phát triển vùng của Tổ chức Tầm nhìn Thế giới (World Vision) tại xã Luân Giói. Tại Mường Ảng, nội dung trao đổi xoay quanh triển khai Nghị định 49 và các hoạt động có sự tham gia của trẻ ở cấp trường.

Danh sách các cán bộ cùng tham gia rà soát với nhóm nghiên cứu được nêu chi tiết trong Phụ lục 2.

3. Các phát hiện chính

Phần 3 trình bày một số phát hiện chính từ các số liệu tổng hợp từ kết quả rà soát và chấm điểm cũng như các quan sát, ghi nhận trong quá trình trao đổi với cán bộ lập kế hoạch của các ngành ở cả 2 cấp. Phụ lục 1 tập hợp các bảng tổng hợp, tính toán kết quả chấm điểm và các phân tích dưới đây sử dụng các số liệu đã được tổng hợp, ưu tiên tập trung phản ánh các nhận định, đánh giá.

Việc đánh giá và sau này là khuyến nghị để tăng cường lồng ghép được thêm các quyền trẻ em vào kế hoạch của các ngành được căn cứ vào nhiệm vụ chức năng của từng ngành[2]. Cụ thể, khi tiến hành kiểm toán bản kế hoạch của ngành Y tế, do nhiệm vụ chức năng là chăm sóc sức khoẻ nên các mục tiêu, tiêu chí và hoạt động trong bản kế hoạch sẽ được rà soát tập trung dựa theo các quyền: được chăm sóc và nuôi dưỡng (thuộc quyền sống còn) và quyền chăm sóc sức khoẻ (nhóm quyền bảo vệ). Tương tự như vậy, bản kế hoạch của Sở GD&ĐT sẽ được rà soát hướng nhiều theo các quyền: học tập (nhóm quyền phát triển) và quyền được tham gia (nhóm quyền tham gia). Cả bốn nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia là nội dung chính được sử dụng để rà soát bản kế hoạch của ngành LĐTBXH bởi đây là ngành bao trùm toàn bộ các khía cạnh của xã hội. Riêng nhiệm vụ và chức năng của ngành kế hoạch (Sở KHĐT, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện) là đảm bảo các kế hoạch của các ngành liên quan trong tỉnh được tổng hợp đầy đủ trong bản kế hoạch PTKTXH chung của tỉnh nên trong quá trình rà soát bản kế hoạch PTKTXH chung sẽ không đối chiếu chi tiết với từng nhóm quyền, mà sẽ đánh giá chung về việc ưu tiên thực hiện các quyền của trẻ em. Ngành tài chính do chức năng đặc thù riêng chuyên trách về lập dự toán ngân sách và theo dõi việc phân bổ và thực hiện dự toán ngân sách cho từng ngành nên việc kiểm toán chỉ tiến hành ở bước xác định những ưu tiên cho các mục tiêu/chỉ tiêu có trọng tâm hướng vào trẻ trong quá trình phân bổ ngân sách (cả của Trung ương lẫn địa phương).

2 Thông tư liên tịch 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo, Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế

3.1 Các phát hiện từ rà soát kế hoạch 5 năm 2011-2015 ở cấp tỉnh

3.1.1 Kết quả rà soát Nội dung Bản kế hoạch 5 năm 2011-2015

Bảng 1. Tổng hợp kết quả rà soát mức độ phản ánh quyền trẻ em trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 tại Điện Biên

Điểm số được chấm theo mức 1 đến 4 cho từng nội dung - do đó khi tổng hợp cho 19 nội dung rà soát, thang điểm cần đạt là từ 19 đến 76 với 19 là hoàn toàn chưa phản ánh từng quyền trong tổng số 19 nội dung, 76 là phản ánh với mức độ tốt nhất

Các quyền trẻ em		Các đơn vị tham gia rà soát kế hoạch			
Theo công ước quốc tế	**Theo luật Việt Nam**	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**	**Sở Y tế**	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**
	Quyền được khai sinh và có quốc tịch	19	19	19	19
Quyền sống còn	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng	54	39	19	22
	Quyền sống chung với cha mẹ	20	19	19	19
Quyền được bảo vệ	Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự	35	19	19	19
	Quyền được chăm sóc sức khỏe	20	19	19	39
Quyền được phát triển	Quyền được học tập	20	19	41	39
	Quyền được phát triển năng khiếu	20	19	19	19
Quyền được tham gia	Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch	20	19	19	22
	Quyền có tài sản	20	19	19	19
	Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội	33	19	19	19

Kết quả rà soát bản kế hoạch Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 của tỉnh

Quá trình rà soát cho thấy những cam kết quốc gia tổng thể đối với trẻ em mới chỉ được phản ánh hạn chế trong hợp phần phát triển văn hóa - xã hội của bản kế hoạch PTKTXH của tỉnh. Trong tổng số 180 chỉ tiêu của bản kế hoạch, có 20 chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến bốn nhóm quyền trẻ em được đề cập trong kế hoạch 5 năm (2011-2015). Những chỉ tiêu này hiện tập trung chủ yếu cho thể hiện nhóm quyền được chăm sóc sức khỏe và được học tập (Bảng 1 trên đây và Bảng 6 trong Phụ lục). Mặc dù trong các phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kỳ trước chung của tỉnh và các sở đều có đề cập đến các chương trình mục tiêu quốc gia tổng thể đối với trẻ em và các chương trình hành động vì quyền trẻ em cũng được phân tích và đánh giá cùng với các số liệu đo lường kết quả của kế hoạch kỳ trước song trong bản kế hoạch chung của tỉnh, các chỉ tiêu tập trung vào trẻ chủ yếu được đề cập tới trong hợp phần phát

triển văn hóa - xã hội chung, mà chưa có các hợp phần riêng đảm bảo thực hiện tốt các quyền của trẻ em cũng như sự phát triển bình đẳng giữa các nhóm dân tộc hay vùng miền.

Đi sâu rà soát, bản kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh **chưa có các phân tích hay nhận định về những tác động (cả tích cực và tiêu cực) đến trẻ em trong các tiểu hợp phần thuộc hợp phần phát triển kinh tế.** Bản kế hoạch chung của tỉnh chỉ đề cập đến các chỉ tiêu giá trị kinh tế cho từng ngành như: công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và dịch vụ. Nhưng những tác động của các chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản theo hướng hiện đại hóa và hiệu quả không xét đến hệ thống sản xuất của các hộ gia đình. Tương tự, cũng chưa có các giải pháp cụ thể để tránh cho trẻ em (nhóm dễ bị tổn thương) không bị ảnh hưởng trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển dịch vụ. Bản kế hoạch đưa ra các định hướng giải pháp cho các ngành kinh tế và dịch vụ, nhưng không đề cập đến những giải pháp giảm các tác động tiềm ẩn đến trẻ. Ngay cả ở các phần xã hội các phân tích, đánh giá và cả kế hoạch đưa ra hầu như cũng chỉ đề cập hết sức chung, không có các mục tiêu, giải pháp thật sự cụ thể. Chính vì lẽ đó, ngay cả bản kế hoạch của các ngành chuyên môn, do không thu thập được bằng chứng cụ thể về nội dung từng quyền trong bản kế hoạch, điểm số chấm của hầu hết các quyền (theo 9 nhóm quyền) còn rất thấp.

Xét về mặt ngân sách, bản kế hoạch chưa thể hiện được các ưu tiên về ngân sách cho các mục tiêu trọng tâm vào trẻ em. Ngân sách phân bổ cho hợp phần phát triển văn hóa-xã hội chiếm 22% tổng ngân sách toàn tỉnh (biểu 10 tr.75-Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015). Nguồn ngân sách này chưa xác định rõ tỉ lệ dành cho các mục tiêu liên quan đến trẻ em là bao nhiêu.

Chưa có bóc tách số liệu về số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp từ các danh mục đầu tư cho các hợp phần tập trung vào trẻ em. Các danh mục đầu tư chỉ đề cập về địa điểm, tổng số vốn đầu tư và thời gian thực hiện (tr.40 và biểu 10 tr.75-Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015). Số trẻ hoặc số người chăm sóc trẻ được hưởng lợi trực tiếp từ những hạng mục đầu tư này chưa được đề cập trong bản kế hoạch chung của tỉnh mặc dù có những chương trình liên quan khá trực diện như Nước sạch và Vệ sinh nông thôn hay giảm nhẹ thiên tai.

Quá trình rà soát bản Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 của tỉnh Điện Biên cho thấy kế hoạch chưa thể hiện được các chỉ tiêu bóc tách rõ ràng về nhóm đối tượng hưởng lợi là trẻ em trong các chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn. Các chỉ tiêu của phần này chỉ đề cập đến tổng số hộ nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tỉ lệ dân được cấp nước sạch, số hộ có công trình vệ sinh hợp qui cách, số trường học có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh và số công trình cấp nước chung cho cộng đồng (tr. 23&41, biểu 1 tr.54 - Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015; và tr.10- Kế hoạch phát triển lĩnh vực NN&PTNT tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015). Số liệu về số lượng trẻ được hưởng lợi trực tiếp hay gián tiếp từ các chương trình này chưa được đề cập trong bất cứ bản kế hoạch nào.

Trong hợp phần môi trường của bản kế hoạch chung của tỉnh chỉ xây dựng các chỉ tiêu về trồng và bảo vệ rừng và vệ sinh môi trường (tr. 23- kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015). Tham chiếu sang bản Kế hoạch của Sở NN&PTNT cũng mới chỉ xây dựng các chỉ tiêu trồng và bảo vệ rừng, nước sạch và vệ sinh nông thôn, thủy lợi. Việc theo dõi đánh giá ảnh hưởng của các thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu đến cộng đồng trong đó có trẻ em không được xác định trong bản kế hoạch chung của tỉnh cũng như của ngành NN&PTNT. Do vậy, **các biện pháp phòng trách thiên tai hay giảm thiểu tác động của thiên tai đối với cộng đồng và trẻ em** chưa được xây dựng, đề cập chi tiết trong bất cứ bản kế hoạch nào.

Kết quả rà soát đối với các kế hoạch của các ngành Xã hội

Từ quá trình rà soát bản kế hoạch của các sở có các chương trình trọng tâm hướng vào trẻ cho thấy còn nhiều việc cần làm để giúp các ngành đảm bảo lồng ghép, triển khai tốt hơn các quyền trẻ em theo đúng nhiệm vụ chức năng.

Theo Bảng 1, Sở LĐTBXH đạt 54/76 điểm cho quyền chăm sóc và nuôi dưỡng (thuộc nhóm quyền sống còn), 35/76 điểm cho quyền phát triển và 33/76 điểm cho quyền tham gia. Sở Y tế đạt 39/76 điểm cho nhóm quyền sống còn với các hoạt động tập trung vào phần chăm sóc sức khỏe trẻ em và bà mẹ. Thực tế, Sở Y tế còn phải đảm nhiệm một hợp phần trong nhóm quyền được bảo vệ (chăm sóc sức khoẻ), nhưng ở phần này kết quả đánh giá của sở mới đạt 19/76 điểm. Nhiệm vụ và chức năng của Sở GD&ĐT đảm bảo thực hiện tốt quyền được học tập thuộc nhóm quyền phát triển, nhưng trong phần đánh giá bản kế hoạch 2011-2015 mới đạt 41/76 điểm.

Các giải pháp, hoạt động cụ thể trong bản kế hoạch chưa gắn với nguồn lực tài chính nên không đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đặt ra. Cụ thể như kế hoạch của Sở GD&ĐT đưa giải pháp tuyên truyền cho mục tiêu 2 về giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở mầm non xuống 5%[3]. Mục tiêu giảm tỉ lệ tai nạn thương tích của trẻ dưới 5 tuổi của Sở Y tế cũng không gắn với nguồn lực tài chính nên chỉ tiến hành các hoạt động truyền thông lồng ghép với các chương trình khác.

Các giải pháp và hoạt động cụ thể đưa ra chưa giải quyết hết tình trạng bất bình đẳng của trẻ theo giới, tuổi và dân tộc. Cụ thể trong mục tiêu 1 của ngành giáo dục mới đảm bảo quyền phát triển của nhóm trẻ mầm non và tiểu học. Các giải pháp chưa đề cập đến việc xoá mù chữ và phổ cập THCS cho lứa tuổi thanh niên, đồng bào dân tộc. Đối với Sở LĐTBXH chỉ một số ít mục tiêu được bóc tách cụ thể theo tuổi.

Ngoài ra, nếu nhìn qua Bảng 1 cũng có thể thấy còn nhiều quyền chưa được đề cập đến trong các bản kế hoạch như quyền khai sinh, quyền được sống chung với cha mẹ, quyền được chăm sóc sức khỏe (có thể đang được gộp với quyền được chăm sóc nuôi dưỡng), quyền được phát triển năng khiếu, quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch).

Vậy để cải thiện chất lượng bản kế hoạch sao cho phản ánh rõ hơn các quyền cần phải điều chỉnh gì ở quy trình lập, thực hiện và đánh giá kế hoạch?

3.1.2 Qui trình lập kế hoạch và phân tích

Quyết định 266/QĐ-UBND năm 2013 Quy định về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên đang từng bước đưa công tác lập kế hoạch đi theo quy trình thống nhất và đã bước đầu đặt vấn đề về việc sử dụng các "công cụ kiểm toán xã hội như một nguồn thông tin quan trọng bổ sung cho kết quả đánh giá".[4]

Tuy nhiên qua đợt rà soát, kiểm toán này có thể thấy **Các bước trong công tác chuẩn bị lập kế hoạch của các đơn vị đang dần đi theo quy trình nhưng vẫn còn nặng theo các bước truyền thống và chưa thể hiện rõ việc lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em.** Qui trình được tiến hành theo các bước: a) rà soát việc thực hiện kế hoạch kỳ trước; b) tham khảo ý kiến các phòng ban ngành dọc và các ngành, địa phương liên quan; c) xác định các yêu cầu của các chương trình mục tiêu quốc gia. Tất cả các sở được kiểm toán đều thực hiện đầy đủ các bước trên. Tuy nhiên, việc xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, hoạt động của kế hoạch có tham chiếu với các quyền của trẻ vẫn chưa

3 Trong bản kế hoạch 5 năm của Sở GD&ĐT không có số liệu về thực trạng trẻ em bị suy dinh dưỡng trong các trường mầm non, chỉ có bản kế hoạch năm 2014 đề cập đến thực trạng trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 5.9% và thể thấp còi là 6.6%

4 Khoản 4, Điều 2, Quyết định 266/QĐ-UBND năm 2013 Quy định về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên

được thể hiện trong các căn cứ pháp lý cho công tác xây dựng kế hoạch (tr.1, của tất cả các bản kế hoạch của các sở giai đoạn 2011- 2015)

Việc đối chiếu các hoạt động năm trước với các chương trình hành động quốc gia vì quyền trẻ em chưa được thực hiện tốt trong quá trình chuẩn bị lập kế hoạch. Sở GD & ĐT chưa đối chiếu hết các hoạt động do chưa lồng ghép các chương trình hành động vào trong kế hoạch chung của ngành. Còn Sở KHĐT do nhiệm vụ chức năng làm công tác tổng hợp và xây dựng kế hoạch chung của tỉnh dựa trên bản kế hoạch các ngành nên không tiến hành đối chiếu. Sở LĐTBXH và Sở Y tế đều thực hiện khá tốt việc này. Kết quả đánh giá được trình bày trong Bảng 4 (Phụ lục 1).

Các số liệu liên quan đến các tình trạng bất bình đẳng của trẻ em chỉ bóc tách một cách tương đối theo tuổi, nơi ở, khuyết tật, mà chưa cụ thể về giới và dân tộc. Các số liệu trong phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kỳ trước, phân tích, giải trình các mục tiêu của kế hoạch kỳ tiếp theo và các chỉ tiêu cụ thể, đã bóc tách xác định rõ các vấn đề của trẻ em. Tuy nhiên các số liệu này chưa chỉ rõ các tình trạng của trẻ theo giới và dân tộc (tr. 7-9 trong Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015). Đối với bản kế hoạch của các sở ngành chuyên môn, chỉ có bản kế hoạch của Sở GD&ĐT có các số liệu bóc tách rõ về tỷ lệ học sinh nữ và tỉ lệ học sinh dân tộc. Các Sở LĐTBXH và Y tế chưa thể có số liệu bóc tách theo các chỉ tiêu này.

Qui trình lập kế hoạch chưa có sự tham gia của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ. Trừ Sở LĐTBXH đã tiến hành thí điểm các cuộc tham khảo ý kiến của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ trước khi lập kế hoạch, các sở còn lại chưa có sự tham gia của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ trong quá trình lập kế hoạch. Kết quả chấm điểm rà soát công tác chuẩn bị lập kế hoạch, Sở LĐTBXH tự đánh giá đạt mức điểm cao nhất (4/4), nhưng nhận định của nhóm nghiên cứu chỉ đánh giá ở mức độ 3/4. Kết quả kiểm toán phần này được trình bày ở Bảng 4 trong Phụ lục 1.

> Sở LĐTBXH đã tiến hành các đợt tham vấn ý kiến các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ trước khi xây dựng kế hoạch kỳ tiếp theo. Sở còn tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Sở và các nhóm trẻ, giải trình về việc thực hiện những cam kết của trẻ em trong kỳ kế hoạch trước. Qua các hoạt động tham vấn trẻ em và người chăm sóc trẻ tại cộng đồng, Sở đã thu thập các ý kiến đóng góp trực tiếp của các bà mẹ và người chăm sóc trẻ về các tình trạng của trẻ. Qua đó giúp hoạt động truyền thông có hiệu quả hơn.
>
> Tuy nhiên, việc tham vấn này mới chỉ thực hiện ở một số địa bàn và theo các nội dung liên quan đến quyền trẻ em và hoạt động này được sự hỗ trợ về kinh phí từ Unicef. Vì vậy, hoạt động này vẫn được xem là thí điểm, chưa thực sự trở thành một bước trong công tác chuẩn bị lập kế hoạch.

Người chăm sóc trẻ và các nhóm trẻ cũng hoàn toàn chưa được tham vấn ý kiến ở giai đoạn hoàn chỉnh kế hoạch chi tiết. Tất cả các sở được kiểm toán chỉ tham vấn các địa phương các cấp và các đơn vị trực thuộc về kế hoạch chi tiết của ngành sau khi các chỉ tiêu kế hoạch được HĐND phê duyệt.

Việc phân tích các nguồn lực tài chính trong giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch chỉ tập trung vào các nguồn lực cam kết mà chưa phân tích các nguồn khác ví dụ như nguồn xã hội hoá. Các sở có đề cập đến nguồn lực xã hội hoá để đảm bảo thực hiện tốt các chương trình chăm sóc trẻ. Nhưng phần nguồn lực này chỉ được đưa vào trong phần giải pháp thực hiện kế hoạch. Các nguồn lực tài chính cam kết chủ yếu từ trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, một phần từ nguồn thu ngân sách của địa phương và một số dự án viện trợ không hoàn lại (Bảng 4). Các nguồn lực tài chính khác như xã hội hóa, vốn vay ưu đãi, hoặc liên kết đầu tư, đều không được phân tích và định hướng cụ thể ở tất cả các bản kế hoạch sở và các phòng ban. Đối với các ngành chuyên môn liên quan trực tiếp đến trẻ em như Sở GD&ĐT có phân tích các nguồn lực tài chính từ nguồn xã hội hóa giáo dục, nhưng phần này chỉ chiếm một

phần nhỏ trong tổng ngân sách của ngành (tr. 7-Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2015). Quá trình rà soát cũng cho thấy ở cấp tỉnh chưa tiến hành tham vấn cộng đồng bao gồm các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ về các biện pháp để cải thiện tính minh bạch của việc quản lý và chi tiêu công.

3.1.3 Triển khai thực hiện kế hoạch

Một số chỉ tiêu tập trung vào trẻ chưa được triển khai thực hiện theo đúng như kế hoạch đề ra do thiếu ngân sách. Ngân sách dành cho các mục tiêu không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia của các sở sẽ được tỉnh cân đối và phân bổ lại. Trong quá trình phân bổ lại ngân sách, tỉnh có dành ưu tiên hơn cho ngành Y tế để đảm bảo thực hiện tốt quyền sống còn và phát triển của trẻ (Kết quả trao đổi trực tiếp với lãnh đạo phòng Hành chính Sự nghiệp, Sở Tài chính). Tuy nhiên trên thực tế, ngân sách của tỉnh không đủ để cấp cho các hoạt động. Vì vậy các hoạt động không được thực hiện như kế hoạch đặt ra. Cụ thể như: chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính trẻ em (Sở Y tế); các mục tiêu về vui chơi giải trí của trẻ em và các hoạt động liên quan đến trẻ tại cộng đồng (Sở LĐTBXH).

Các hoạt động lồng ghép giữa các sở, ngành khi thực hiện các hoạt động có trọng tâm hướng vào trẻ em chủ yếu mới ở lĩnh vực truyền thông. Các sở trong những giải pháp để cập đến lồng ghép với các đơn vị khác truyền thông nâng cao nhận thức. Trừ một số chương trình mục tiêu quốc gia có yêu cầu các hoạt động lồng ghép giữa các sở còn các hoạt động lồng ghép cụ thể khác để đảm báo thực hiện tốt các quyền trẻ em chưa được đề cập một cách rõ ràng trong bản kế hoạch của các sở.

3.1.4 Theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch

Hiện nay tại tỉnh Điện Biên đã thể chế hóa việc đổi mới quy trình lập, phê duyệt, theo dõi và đánh giá kế hoạch theo quyết định 266 và từng bước thực hiện quy trình thống nhất, song bước xây dựng khung theo dõi, giám sát và đánh giá trong bản kế hoạch chung của tỉnh cũng như của các sở chưa được triển khai thực hiện. ngoại trừ Sở Y tế đang thí điểm xây dựng khung theo dõi giám sát và đánh giá, các sở còn lại hiện chỉ xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát theo hệ thống báo cáo theo tháng, quí và năm.

Hệ thống biểu mẫu thu thập số liệu, thông tin vẫn thiếu đồng nhất giữa các sở để đảm bảo việc thu thập số liệu và thông tin được đầy đủ, chính xác và kịp thời. Các sở hiện tại đang áp dụng biểu mẫu thu thập số liệu thông tin riêng theo ngành (do các bộ chủ quản ban hành). Do vậy, các bản kế hoạch của các sở cũng như của tỉnh nói chung chưa hình thành được các dữ liệu điều tra cơ bản để cập nhật những thay đổi, cải thiện về đời sống của trẻ em nói chung và càng chưa thể cập nhật những thay đổi về quyền trẻ em nói riêng. Các sở vẫn chỉ mới xây dựng được các qui định như truyền thống về kiểm tra theo dõi, tổng kết và đánh giá thực hiện kế hoạch giữa và cuối kỳ. Việc theo dõi mới chỉ được nhấn mạnh để nắm tiến độ mà chưa có cơ chế rõ ràng để triển khai đánh giá và tận dụng kết quả đánh giá cho việc điều chỉnh kế hoạch ở giai đoạn sau.

Như trên đã đề cập, các số liệu, thông tin trong quá trình theo dõi giám sát chưa được bóc tách rõ ràng theo giới và dân tộc. Các ngành như LĐTBXH trong quá trình thu thập số liệu do chưa có biểu mẫu thu thập cụ thể về giới và dân tộc từ cơ sở nên thực tế không có số liệu rõ ràng, các số liệu chỉ là ước tính. Một lý do nữa được đưa ra là để thực hiện yêu cầu triển khai các cam kết về chống bất bình đẳng giới. Trên thực tế các chỉ số liên quan đến trẻ em không được bóc tách theo giới tính và dân tộc.

Về mặt theo dõi, đánh giá, một ghi nhận hết sức rõ ràng chính là thực tế chưa có sở nào đề cập đến khả năng ứng dụng cơ chế kiểm toán xã hội, đặc biệt Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em còn là một khái niệm mới và chưa được áp dụng rộng rãi. Sự tham gia của trẻ em và người bảo trợ vào công tác theo dõi, đánh giá các công trình, hạng mục đang triển khai tại địa phương cũng là một lĩnh vực khá tiềm năng nhưng còn bỏ

ngỏ. Đợt nghiên cứu này cho thấy để huy động sự tham gia góp ý vào một hạng mục, công trình chưa hiện hữu là khá khó khăn bởi trình độ của người dân và trẻ em ở địa bàn còn khá hạn chế. Tuy nhiên với các công trình, chương trình đang được triển khai, mức độ quan tâm của trẻ em và người chăm sóc trẻ là rõ ràng và cụ thể hơn rất nhiều.

3.2 Các phát hiện từ rà soát kế hoạch hàng năm ở cấp tỉnh

3.2.1 Rà soát mức độ phản ánh quyền trẻ em trong nội dung kế hoạch hàng năm (Kế hoạch năm 2014)

Tương tự kết quả rà soát kế hoạch 5 năm, những cam kết quốc gia tổng thể đối với trẻ em mới chỉ được phản ánh hạn chế trong hợp phần phát triển văn hóa - xã hội của bản kế hoạch PTKTXH của tỉnh. Bản kế hoạch 2014 xây dựng 45 chỉ tiêu liên quan đến bốn nhóm quyền trẻ em. Các chỉ tiêu trọng tâm vào trẻ được xây dựng cùng với các chỉ tiêu văn hoá - xã hội khác trong hợp phần phát triển văn hóa - xã hội chung của toàn tỉnh (tr. 30-31, Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014).

Các định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực trong bản KHPTKTXH chung cũng như của các sở đã đề cập được đến các quyền chăm sóc và nuôi dưỡng (nhóm quyền sống còn), học tập (nhóm quyền phát triển), quyền được bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ (nhóm quyền bảo vệ); quyền được vui chơi giải trí và quyền tham gia (nhóm quyền tham gia). Tuy nhiên, một số quyền cơ bản khác của trẻ chưa được đề cập đến trong định hướng phát triển của các ngành, càng chưa có được sự so sánh giữa các nhóm trẻ theo dân tộc, điều kiện kinh tế hay vùng miền. Cụ thể như: quyền được khai sinh- có quốc tịch và sống chung với cha mẹ (nhóm quyền sống còn) liên quan đến nhiệm vụ ngành tư pháp và LĐTBXH, nhưng bản kế hoạch chung của tỉnh không đề cập đến vấn đề này (tr. 33-34, Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014). Tương tự như vậy, trong định hướng phát triển ngành của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch và ngành Bưu chính Viễn thông không có các mục tiêu liên quan đến việc thực hiện các quyền: được phát triển năng khiếu (nhóm quyền phát triển), quyền được vui chơi giải trí (nhóm quyền tham gia) (tr. 32-33, Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014).

Xét về ngân sách, bản kế hoạch chưa có các ưu tiên về ngân sách cho các mục tiêu trọng tâm vào trẻ em (tr.35-38, Kế hoach PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014). Hệ quả là một số chương trình trọng tâm vào trẻ với nguồn ngân sách từ tỉnh không được thực hiện theo đúng tiến độ và cũng không đánh giá được tác động tới việc thực hiện theo các quyền của trẻ. Chẳng hạn kế hoạch sửa chữa và xây dựng một số trường mầm non, trường THCS tuyến xã đã được tỉnh phê duyệt năm 2013, nhưng hiện vẫn đang chờ vốn (biểu 14, Kế hoạch PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014).

Cũng như với kế hoạch 5 năm, một trong những khó khăn để đánh giá tác động chính là thực tế không có số liệu cụ thể về số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp từ các danh mục đầu tư cho các hợp phần trọng tâm vào trẻ và cả các danh mục đầu tư xây dựng cơ bản liên quan đến trẻ. Các danh mục đầu tư chỉ đề cập về địa điểm, tổng số vốn đầu tư và thời gian thực hiện. Số trẻ được hưởng lợi trực tiếp chưa được đề cập trong các bản kế hoạch của các sở (tr. 31, KH PTKTXH tỉnh Điện Biên năm 2014, và tr. 14, KH PTGD&ĐT tỉnh Điện Biên năm 2014).

Phần tự chấm điểm của các cán bộ ngành kế hoạch, và thậm chí cả các ngành xã hội, đều khẳng định nội dung các bản kế hoạch còn rất thiếu các phân tích hay nhận định về những tác động (cả tích cực và tiêu cực) đến trẻ em- hầu hết đều khẳng định chưa có (cho 1 điểm). Đặc biệt thiếu chính là các giải pháp, chương trình trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Bản kế hoạch chung của tỉnh chỉ đề cập đến các chỉ tiêu giá trị kinh tế cho từng ngành như: công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, dịch vụ. Nhưng những tác động của các chương trình phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản theo hướng hiện đại hóa và hiệu quả thường không xét đến hệ thống sản xuất của các hộ gia đình.

Cũng như quá trình rà soát kế hoạch 5 năm, nhóm cán bộ kiểm toán không có cơ hội gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với cán bộ lập kế hoạch của Sở NN&PTNT, nên phần này nhóm tự tiến hành rà soát bản kế hoạch năm 2014 của ngành. Phần rà soát khẳng định tương tự như kế hoạch 5 năm, các mục tiêu và chỉ tiêu của chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn không bóc tách chỉ tiêu riêng trọng tâm hướng vào trẻ em. Chủ yếu mới chỉ đề cập chung về số lượng các công trình vệ sinh hợp chuẩn được đầu tư cho trường học và các hộ dân. Những số liệu về số trẻ được hưởng lợi từ phần đầu tư này chưa được thống kê cụ thể. Các giải pháp, chương trình phát triển nông thôn mới không có các phân tích, đánh giá tác động của chương trình đến trẻ em. Các số liệu về số trẻ em được hưởng lợi từ chương trình cũng không được đề cập trong bản kế hoạch chung của tỉnh hay của Sở NN&PTNT.

Đối với các bản kế hoạch của các ngành xã hội cũng chưa đảm bảo thực hiện được hoàn toàn đầy đủ các quyền trẻ em theo đúng nhiệm vụ chức năng. Sở LĐTBXH chỉ đạt 54/76 điểm cho quyền chăm sóc và nuôi dưỡng (thuộc nhóm quyền sống còn), 35/76 điểm cho quyền được bảo vệ và 33/76 điểm cho quyền tham gia. Sở Y tế chỉ đạt 32/76 điểm cho quyền được chăm sóc (thuộc nhóm quyền sống còn) và 19/76 điểm cho quyền chăm sóc sức khoẻ trong nhóm quyền được bảo vệ. Nhiệm vụ và chức năng của Sở GD&ĐT là đảm bảo thực hiện tốt quyền được học tập (nhóm quyền phát triển), nhưng kết quả rà soát cũng mới đạt 42/76 điểm (Bảng 2 dưới đây và Bảng 6 trong phụ lục).

Bảng 2. Tổng hợp kết quả rà soát mức độ phản ánh quyền trẻ em trong kế hoạch 2014 tại Điện Biên

Các quyền trẻ em		Các đơn vị tham gia rà soát kế hoạch			
Theo công ước quốc tế	**Theo luật Việt Nam**	**Sở LĐTBXH**	**Sở Y tế**	**Sở GD ĐT**	**Sở KH & ĐT**
Quyền sống còn	Quyền được khai sinh và có quốc tịch	20	19	19	19
	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng	54	32	19	26
	Quyền sống chung với cha mẹ	20	19	19	19
Quyền được bảo vệ	Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự	35	19	19	19
	Quyền được chăm sóc sức khỏe	20	19	19	26
Quyền được phát triển	Quyền được học tập	20	19	42	30
	Quyền được phát triển năng khiếu	20	19	19	19
Quyền được tham gia	Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch	20	19	19	19
	Quyền có tài sản	20	19	19	19
	Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội	33	19	19	19

Các giải pháp, hoạt động cụ thể trong bản kế hoạch của các sở có các chương trình trọng tâm hướng vào trẻ chưa xây dựng các cơ chế lồng ghép với các cơ quan liên quan để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch. Mặc dù các phần tự chấm điểm đều cho 2 hoặc 3 điểm trên thang điểm 4 nhưng một điểm ghi nhận rõ rệt chính là trong các phần đánh giá thực hiện kế hoạch kỳ trước, các đánh giá luôn nhấn mạnh nguyên nhân, tồn tại về thiếu sự phối hợp lồng ghép giữa các ngành và các cấp chính quyền địa phương nhưng thường các kế hoạch kỳ sau lại không đề xuất được giải pháp cụ thể nào. Do đó tuy có nhiều chỉ tiêu trọng tâm vào trẻ như giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong trường mầm non, v.v… cần có sự phối hợp giữa các ngành GD&ĐT, Y tế và LĐTBXH nhưng trong giải pháp của bản kế hoạch của các sở lại chưa đề cập đến cách thức phối hợp như thế nào sẽ là hiệu quả nhất.

3.2.2 Qui trình lập kế hoạch hàng năm

Bảng 4 trong phụ lục tổng hợp kết quả rà soát quy trình lập kế hoạch hàng năm của 4 Sở với mức điểm trung bình của các Sở đều đạt khá. Tuy nhiên, đi sâu tìm hiểu thực tế cách làm hiện nay, rõ ràng cũng còn nhiều khía cạnh cần cải thiện.

Thứ nhất, trong giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch, các sở không tiến hành tham vấn ý kiến chính quyền địa phương các cấp, mà chủ yếu tham vấn ý kiến các phòng ban trực thuộc theo ngành dọc. Qui trình lập kế hoạch cũng chưa có sự tham gia của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ. Trừ Sở LĐTBXH đã tiến hành thí điểm các cuộc tham khảo ý kiến của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ trước khi lập kế hoạch. Các sở khác chỉ tiến hành tham vấn các phòng ban trực thuộc. Tuy nhiên, việc tham vấn các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ của Sở LĐTBXH cũng mới chỉ được tiến hành thí điểm ở một vài điểm như thành phố Điện Biên với hỗ trợ kinh phí từ Unicef.

Thứ hai, cũng tương tự như phát hiện từ rà soát kế hoạch 5 năm, để hỗ trợ cho phân tích, các số liệu liên quan đến các tình trạng bất bình đẳng của trẻ em mới chỉ được bóc tách một cách sơ bộ theo tuổi, nơi ở, khuyết tật, mà chưa cụ thể về giới và dân tộc. Các số liệu trong phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kỳ trước, phân tích, giải trình các mục tiêu của kế hoạch kỳ tiếp và các chỉ tiêu cụ thể, đang có xu hướng được bóc tách rõ hơn nhằm xác định các vấn đề của trẻ em. Tuy nhiên, theo kết quả trao đổi trực tiếp với các cán bộ lập kế hoạch của các sở và kiểm toán qui trình lập kế hoạch cho thấy, số liệu và chỉ tiêu kế hoạch mới chỉ đề cập đến độ tuổi và địa bàn nơi trẻ sinh sống, mà chưa bóc tách cụ thể theo giới, dân tộc, trẻ bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn, trẻ sống chung với HIV/AIDS. Như vậy, để thực sự phản ánh được các vấn đề theo các nhóm quyền của trẻ vẫn còn cần bổ sung thêm nhiều dữ liệu và công cụ hỗ trợ phân tích.

Việc phân tích các nguồn lực tài chính trong giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch chỉ tập trung vào các nguồn lực cam kết: ngân sách từ trung ương, từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình viện trợ không hoàn lại. Các chỉ tiêu kế hoạch của ngành được xác định và xây dựng dựa chủ yếu trên các chỉ tiêu được giao trong bản kế hoạch 5 năm, việc gắn kết, lồng ghép với quyền trẻ em cho bộ chỉ tiêu kế hoạch hàng năm hoàn toàn phụ thuộc vào bộ chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm. Điều này sẽ hạn chế việc xây dựng các chỉ tiêu và hoạt động khác đảm bảo đáp ứng các nhu cầu cấp bách của trẻ em.

3.2.3 Triển khai thực hiện kế hoạch

Qua rà soát, đánh giá công tác triển khai các bản kế hoạch 2013 và 2014 cho thấy một số mục tiêu vì trẻ em trong các chương trình trọng tâm hướng vào trẻ không thực hiện được theo đúng kế hoạch. Chẳng hạn phần đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2013, một số chỉ tiêu có trọng tâm vào trẻ đã không hoàn thành được do nguyên nhân chỉ tiêu đưa ra cao hơn so với khả năng thực hiện, các nguồn lực tài chính chưa đáp ứng đủ

hoặc không có, hoặc do sự thay đổi chính sách ở cấp quốc gia. Một số ví dụ cụ thể như sau: tỉ lệ trẻ 1-5 tuổi tiêm viêm não 2/3 mũi thấp (tr.5- Kế hoạch Sở Y tế năm 2014), tỉ lệ phòng học kiên cố đạt 55,5%, tỉ lệ huy động trẻ đến trường thấp hơn so với kế hoạch (tr. 21- Kế hoạch PTKTXH tỉnh 2014). Nguyên nhân của ví dụ cuối cùng là do cam kết của chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện các chương trình với trọng tâm là trẻ em chưa cao. Một số cấp chính quyền địa phương chưa quan tâm thường xuyên đến việc phối hợp với ngành giáo dục huy động trẻ em trong độ đến trường (tr. 12, Báo cáo tình hình thực hiện KH năm 2013 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên; và tr.11, Báo cáo tình hình thực hiện KH năm 2013 của Sở LĐTBXH tỉnh Điện Biên).

Một số chương trình trọng tâm hướng vào trẻ không nhận được phân bổ ngân sách, hoặc ngân sách phân bổ hạn chế. Hầu hết các chương trình không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn phân bổ từ ngân sách địa phương đều không đảm bảo yêu cầu.

Năng lực lãnh đạo và quản lý của các cán bộ quản lý của chính quyền địa phương các cấp và các phòng ban còn hạn chế. Đây là một trong những điểm hạn chế trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch và thường được đề cập trong phần phân tích quá trình thực hiện kế hoạch kỳ trước của các sở (tr. 11, kế hoạch của Sở LĐTBXH; trang 12, kế hoạch của Sở GDDT; tr. 21-22, kế hoạch của Sở KHĐT; tr. 9, kế hoạch của Sở NN&PTNT; tr.10, kế hoạch Sở Y tế). Vấn đề này sẽ tiếp tục được phân tích ở các phần tiếp theo.

3.2.4 Theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch

Các phát hiện từ rà soát quy trình và bản kế hoạch hàng năm về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch hầu như hoàn toàn giống phần rà soát cho kế hoạch 05 năm. Theo số liệu tự đánh giá được tổng hợp trong Bảng 9 và ý kiến đánh giá của nhóm nghiên cứu, chưa có các khung theo dõi, giám sát và đánh giá trong bản kế hoạch của các sở, trừ Sở Y tế đang thí điểm xây dựng khung theo dõi giám sát và đánh giá. Các sở còn lại hiện chỉ xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát theo hệ thống báo cáo theo tháng, quí và năm. Sở GD&ĐT có đưa thêm giải pháp xây dựng biểu mẫu giám sát, đánh giá và thống kê cho một số chỉ tiêu như: tỉ lệ huy động trẻ bỏ học đến lớp, trẻ em ngoài trường học, trẻ em gái, trẻ em thiệt thòi.

Cũng chưa có cơ chế về theo dõi, giám sát, đánh giá có sự tham gia trong quá trình thực hiện kế hoạch trong các bản kế hoạch của tỉnh cũng như các sở. Trong phần phân tích những hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch kỳ trước, bản kế hoạch chung của tỉnh có nhận định sự tham gia rất hạn chế của cộng đồng và các đoàn thể trong công tác theo dõi, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng (tr. 22, Kế hoạch PTKTXH 2014 của tỉnh Điện Biên). Tuy nhiên, trong kế hoạch 2014, hoạt động này không được đề cập đến.

Hệ thống biểu mẫu thu thập thông tin chưa đồng nhất giữa các sở nên khó đảm bảo hỗ trợ việc xây dựng và triển khai kế hoạch theo các quyền trẻ em. Các sở hiện tại đang áp dụng biểu mẫu thu thập số liệu thông tin riêng theo ngành (do các bộ chủ quản ban hành). Và cũng như cho kế hoạch 5 năm, hệ thống các dữ liệu kế hoạch của các sở đều hoàn toàn chưa xây dựng các điều tra cơ bản để đánh giá được những cải thiện về quyền hay về đời sống của trẻ em trong quá trình thực hiện kế hoạch. Các sở chỉ xây dựng các qui định về kiểm tra theo dõi, tổng kết và đánh giá thực hiện kế hoạch nhưng cũng chưa làm rõ cơ chế điều chỉnh kế hoạch như thế nào. Ngay cả việc thực hiện những qui định này về báo cáo, thông tin theo ngành dọc trong nhiều trường hợp còn được nhấn mạnh chưa đầy đủ và nghiêm túc. Trong phần phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kỳ trước, các sở đều có chung nhận định về việc thực hiện thông tin, báo cáo của các đơn vị chưa kịp thời và chưa nghiêm túc (như tr. 11 trong Kế hoạch 2014 của Sở LĐTBXH; tr. 22 trong Kế hoạch 2014 của Sở KHĐT). Kết quả kiểm toán phần thu thập số liệu thông tin phục vụ theo dõi, đánh giá kế hoạch của các sở và các phòng chuyên môn của 2 huyện trình bày ở Bảng 10 trong phụ lục.

3.3 Các phát hiện từ rà soát ở cấp huyện với kế hoạch hàng năm 2014

Quyết định 266/QĐ-UBND năm 2013 Quy định về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã được triển khai cho tất cả các huyện và qua đợt rà soát, kiểm toán này có thể thấy kể cả các huyện mới như Mường Ảng đều đã từng bước triển khai đồng loạt. Đây là tín hiệu đáng mừng khi trong QĐ 266 đã có nhiều điểm đổi mới như nhấn mạnh yêu cầu tham vấn hay gợi mở việc sử dụng các công cụ kiểm toán xã hội.

Qua rà soát kế hoạch tại hai huyện Điện Biên Đông và Mường Ảng, báo cáo kiểm toán ghi nhận một số nội dung và hướng đi còn có thể tiếp tục khắc phục để công tác triển khai QĐ 266 được sâu sắc hơn, góp phần nâng cao chất lượng các bản kế hoạch, đặc biệt đưa trọng tâm hướng vào trẻ em.

3.3.1 Kết quả rà soát nội dung bản kế hoạch hàng năm cấp huyện

Hình 1. Kết quả rà soát bản kế hoạch năm 2014 của 9[5] phòng chuyên môn tại 2 huyện theo quyền trẻ em

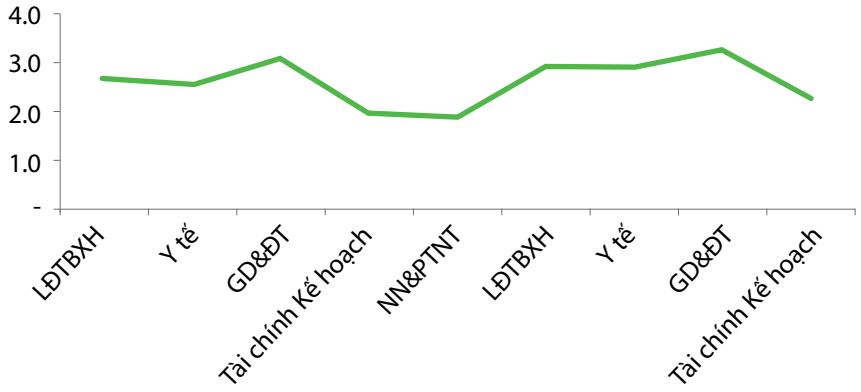

Điểm trung bình, cao nhất là 4, thấp nhất là 1

Đối với các bản kế hoạch của các ngành tổng hợp kế hoạch và các ngành ít liên quan trực tiếp đến các quyền của trẻ em như Phòng NN&PTNT, việc lập kế hoạch hầu như chưa dựa trên các số liệu bóc tách xác định rõ các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em để phân tích. Tương ứng, bằng chứng rõ nét nhất là bản kế hoạch của các phòng ban này rất ít các chỉ tiêu cụ thể về việc thực hiện các quyền trẻ em; trong phần tình hình thực hiện kế hoạch năm trước không nêu và không phân tích việc thực hiện các quyền của trẻ em; đồng thời trong phần giải pháp cũng không nêu giải pháp cụ thể thực hiện quyền trẻ em. Do đó kết quả đánh giá của cả hai phòng TCKH tại hai huyện đều đạt điểm thấp nhất (Hình 1). Riêng kết quả rà soát của ngành NN&PTNT, do chỉ có một ngành ở một huyện tham gia và số liệu còn khá thiếu nên nhóm nghiên cứu tạm chưa đưa vào phân tích.

Hình 1 tổng hợp kết quả rà soát cũng cho thấy đối với các phòng liên quan trực tiếp đến các quyền của trẻ em (Phòng Y tế, LĐ, GDĐT) việc lập kế hoạch có dựa trên các số liệu bóc tách xác định rõ các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em và nhờ vậy nhìn chung, bản kế hoạch do các phòng ban này có các chỉ tiêu cụ thể về việc thực hiện các quyền trẻ em: trong phần tình hình thực hiện kế hoạch năm trước có nêu và phân tích việc thực hiện các quyền của trẻ em; đồng thời trong phần giải pháp cũng

5 Tại một huyện có cả Phòng NN&PTNT tham gia chấm điểm và tự đánh giá nên nhóm kiểm toán vẫn cố gắng sử dụng tất cả tư liệu thu thập được

nêu giải pháp cụ thể thực hiện quyền trẻ em. Kết quả cũng cho thấy ngành GD&ĐT ở cả hai huyện đều đạt mức thể hiện quyền trẻ em cao nhất trong bản kế hoạch. Một phần có thể do đối tượng chính của ngành là trẻ em song kết quả này chắc chắn sẽ còn tiếp tục được nâng lên bởi từ năm 2013 ngành GD&ĐT Điện Biên đã bắt đầu giới thiệu và dự kiến áp dụng phương pháp lập kế hoạch dựa trên quyền từ năm học 2014-2015 tới đây.

Qua quá trình rà soát các bản kế hoạch của các đơn vị cấp huyện đã cho thấy một số hạn chế cần được lưu ý để cải thiện như sau:

- Trong quá trình lập kế hoạch, các ngành hầu như chưa có ý niệm về việc áp dụng quyền trẻ em cho các phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em để đưa vào kế hoạch;

- Do thiếu khái niệm, chỉ tiêu, nhiều quyền của trẻ em không được dùng hoặc lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trong bản kế hoạch như quyền được khai sinh, quyền được sống chung với cha mẹ, quyền được phát triển năng khiếu, quyền có tài sản, …. Một số kế hoạch có các mục tiêu hướng tới giải quyết các bất bình đẳng về tình trạng kinh tế, khuyết tật, chưa có các mục tiêu cụ thể hướng tới giải quyết các bất bình đẳng về thành thị/nông thôn, khu vực.

- Bên cạnh bản kế hoạch, còn khá nhiều tài liệu, chương trình khác phản ánh các hoạt động đầu tư, hỗ trợ cho trẻ em như trong ví dụ từ huyện Điện Biên Đông dưới đây:

Trong vòng 6 tháng đầu năm 2014, để triển khai các chương trình hỗ trợ, UBND huyện Điện Biên Đông đã ban hành 10 bản về kế hoạch liên quan đến quyền trẻ em:

- Kế hoạch duy trì mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của huyện giai đoạn 2014 - 2015 (tháng 1/2014)
- Kế hoạch triển khai chương trình bảo vệ trẻ em năm 2014 (05/3/2014).
- Kế hoạch tổ chức diễn đàn trẻ em huyện Điện Biên Đông năm 2014 (05/3/2014).
- Hướng dẫn liên ngành thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc giáo dục trẻ em huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2014 - 2015 (12/3/2014).
- Hướng dẫn công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em năm 2014 (25/2/2014)
- Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích trẻ em huyện Điện Biên Đông giai đoạn 2014 - 2015 (29/4/2014).
- Bản gửi các cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức cá nhân trẻ em địa bàn huyện và UBND các xã, thị trấn về việc "Đóng góp xây dựng quĩ bảo trợ trẻ em" (8/5/2014).
- Bản pháp qui hướng dẫn triển khai tháng hành động vì trẻ em (12/5/2014).
- Kế hoạch thực hiện Quyết định số 55a/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em của huyện giai đoạn 2014 - 2015 và tầm nhìn đến 2020 (29/4/2014)

Tương tự năm 2013 UBND huyện cũng có 5 bản về kế hoạch liên quan đến quyền trẻ em, trong đó đáng chú ý là quyết định số 140/KH-UBND ngày 24/7/2013 kế hoạch thực hiện chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2013 - 2020, trong đó lồng ghép liên ngành dựa trên các nhóm quyền trẻ em thể hiện rất rõ, ví dụ lĩnh vực bảo vệ trẻ em có 4 chỉ tiêu; lĩnh vực sức khỏe dinh dưỡng có 3 chỉ tiêu; lĩnh vực giáo dục 6 chỉ tiêu, lĩnh vực nước sạch, vệ sinh, môi trường 2 chỉ tiêu. Đối với lĩnh vực văn hóa, vui chơi và sự tham gia của trẻ em không có chỉ tiêu cụ thể mà chỉ đề cập đến việc tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, các diễn đàn trẻ em . . . để ghi nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất của các em về những chính sách, luật pháp, chương trình liên quan đến trẻ em.

Một mặt, các kế hoạch này thể hiện nỗ lực của huyện để triển khai các hoạt động nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Nhưng một mặt khác, các bản kế hoạch phát triển chung của huyện cũng như kế hoạch của ngành lại chưa bao quát, tổng hợp được những kế hoạch riêng lẻ này.

Các phần tiếp theo tập hợp kết quả từ quá trình rà soát quy trình lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kế hoạch của hai huyện sẽ tiếp tục gợi mở thêm nhiều hướng để nâng cao chất lượng bản kế hoạch theo các quyền trẻ em.

3.3.2 Quy trình lập kế hoạch và phân tích

Cũng tương tự như cấp tỉnh, qui trình lập kế hoạch ở nhiều đơn vị cấp huyện chưa có sự tham gia của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ. Tuy nhiên một số đơn vị như ngành LĐTBXH Điện Biên Đông hay Y tế Mường Ảng cũng đã bắt đầu triển khai lấy ý kiến của cha mẹ trẻ và trẻ về một vài hoạt động như trẻ nhiễm HIV, tiêm vắc-xin. Trong bảng tự đánh giá, các đơn vị đều cho mức 4 song do cách thức thực hiện vẫn còn chỉ ở một vài trọng điểm chứ chưa bao quát toàn bộ bản kế hoạch nên ý kiến của nhóm kiểm toán chỉ nhận định ở mức 3 (Bảng 4).

Với sự hỗ trợ từ chương trình Tỉnh bạn hữu, huyện Điện Biên Đông đã triển khai được một số hoạt động giúp tăng cường việc tham gia của nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ vào qui trình lập kế hoạch tuy cũng mới chỉ ở mức độ hạn chế. Từ năm 2011 đến nay, hàng năm huyện có tổ chức diễn đàn trẻ em, các ý kiến đóng góp từ phía trẻ em và người chăm sóc trẻ đã được ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế và Giáo dục xem xét và đưa vào các chương trình hoạt động của ngành, như: Tổ chức hội thi tìm hiểu bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, chia sẻ hiểu biết và kỹ năng giao tiếp cho trẻ; tham vấn các người chăm sóc trẻ về các vấn đề nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ sơ sinh, mẫu giáo . . .

Ngoài ra điểm cần lưu ý là ở một số đơn vị chưa tham gia nhiều hoạt động với các chương trình, dự án trọng tâm hướng vào trẻ, sự tham vấn người chăm sóc trẻ và nhóm trẻ còn ở mức độ hạn chế bởi cách hiểu về vai trò. Ví dụ ngành giáo dục huyện Mường Ảng thường tổ chức mời các hiệu trưởng các trường tiểu học huyện Mường Ảng tham gia vào việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ học phí cho học sinh của trường thuộc Chính sách miễn, giảm học phí cho các con hộ nghèo, cận nghèo thuộc Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP với tư cách người chăm sóc trẻ chứ chưa có nhiều công cụ và điều kiện để tham vấn rộng rãi phụ huynh học sinh. Và do đó, ngay trong đợt kiểm toán này, theo công văn liên lệ của Sở KHĐT đề nghị hỗ trợ bố trí làm việc với nhóm người chăm sóc trẻ, Phòng GD&ĐT cũng tổ chức cho nhóm nghiên cứu gặp 10 hiệu trưởng của các trường trong huyện.

Để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch cũng như thể hiện quyền bình đẳng của trẻ, hiện các **số liệu liên quan đến tình trạng bất bình đẳng của trẻ chỉ bóc tách một cách tương đối theo tuổi, nơi ở, khuyết tật, mà chưa cụ thể về giới và dân tộc.** Chính bởi vậy việc lập kế hoạch cấp huyện chưa thể dựa trên số liệu đầy đủ, chưa bóc tách rõ ràng về sự bất bình đẳng của trẻ theo giới tính (trẻ em trai và em gái). Nguyên nhân cũng chính bởi hệ thống thu thập số liệu còn thiếu và số liệu thu thập thường chậm về thời gian, độ tin cậy còn thấp. Ví dụ: hệ thống thu thập số liệu về BVCSTE ở cấp xã còn thiếu và số liệu thường không khớp với số liệu của các trung tâm y tế, báo cáo gửi về Phòng y tế của huyện chậm so với tiến độ yêu cầu.

Sự tham gia của các tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình lập kế hoạch còn cần được củng cố thêm. Trong quá trình xây dựng kế hoạch, các phòng ban của huyện đều tham vấn ý kiến theo ngành dọc cấp trên (sở) và theo ngành ngang (các phòng chức năng liên quan) bằng bản. Tuy nhiên, hầu hết các kế hoạch mới chỉ tham vấn theo con đường hành chính như vậy, hình thức tham vấn trực tiếp hầu như chưa thực hiện được do thiếu kinh phí. Chỉ một vài trường hợp có dự án tài trợ thì mới tổ chức tham vấn trực tiếp thông qua tổ chức hội nghị, hội thảo nhưng số lượng còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, một thực tế khác vẫn còn khá phổ biến là bản kế hoạch của các ngành gửi cho ngành TCKH thường chủ yếu ở dạng biểu với các số liệu, chỉ tiêu, nhu cầu ngân sách còn các phần phân tích, giải trình thường lại chủ yếu chỉ được gửi trong các báo cáo, kế hoạch theo ngành dọc.

Về phân tích tài chính, hầu hết các ngành cấp huyện đều tự đánh giá mức độ phân tích nguồn lực tài chính ở mức tốt (3 hoặc 4 điểm) (Bảng 4) song trên thực tế, qua trao đổi với cán bộ lập kế hoạch, hai huyện đều là địa phương chưa có nguồn thu ngân sách tự cân đối nên nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch chủ yếu trông chờ vào ngân sách tỉnh hoặc trung ương phân bổ. Do vậy, trong quá trình xây dựng kế hoạch chưa thể phân định nguồn lực cam kết, việc phân tích chỉ mang tính xây dựng nhu cầu kinh phí căn cứ vào kinh phí được cấp của năm thực hiện và nhu cầu triển khai hoạt động chuyên môn nhằm đạt được chỉ tiêu của năm kế hoạch. Chính bảng rà soát của một Phòng Y tế cho thấy bản kế hoạch thực ra chưa đề cập được đến các nguồn lực tài chính.

3.3.3 Triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá kế hoạch

Theo đề cương chung, các bản kế hoạch có xây dựng cơ chế báo cáo tiến độ, nhưng cơ chế thu thập thông tin, số liệu chưa rõ ràng và theo nhiều kiểu biểu mẫu khách nhau của các ngành chuyên môn qui định.

Cơ chế theo dõi và giám sát được phản ánh một cách hạn chế trong kế hoạch của các phòng. Như thể hiện trên Bảng 9, hầu hết các đơn vị chưa xây dựng khung theo dõi giám sát cụ thể cho các cơ quan, đơn vị. Chỉ có Phòng TCKH và Phòng GD&ĐT Điện Biên Đông cho biết bước đầu đã xây dựng được khung theo dõi đánh giá và từ đó đang từng bước hoàn chỉnh cơ chế thu thập thông tin, số liệu, báo cáo tiến độ. Ngoài ra, hầu hết các ngành chuyên môn đều cho biết đã có hệ thống theo dõi, giám sát riêng của ngành, chủ yếu là các chương trình mục tiêu quốc gia và để có số liệu báo cáo ngành dọc. Nhưng cũng chính tình trạng các phòng chuyên môn cùng một lúc phải thu thập thông tin theo biểu mẫu yêu cầu của ngành dọc và theo biểu mẫu yêu cầu của ngành Tài chính - Kế hoạch đã dẫn đến tình trạng số liệu thiếu nhất quán.

Tương tự cấp tỉnh, các phòng ban cấp huyện càng chưa thể tiến hành các cuộc điều tra riêng để kiểm định tiến bộ về đời sống của trẻ trong quá trình thực hiện kế hoạch do không có kinh phí; chủ yếu kết hợp thông qua các đợt điều tra về phổ cập, hoặc kết hợp trong các buổi kiểm tra liên ngành, điều tra lại các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em. Một vài điểm "sáng" như Y tế Mường Ảng cho biết đã có tiến hành điều tra ở cấp xã.

Nhìn chung các đơn vị chưa xây dựng và sử dụng khung theo dõi rõ ràng về kết quả tham vấn nhóm trẻ, mà nếu có tham vấn cũng mới chỉ phân công các phòng ban, đơn vị theo dõi kết quả tham vấn nhóm trẻ. Riêng một số trường hợp như ngành GD&ĐT của cả hai huyện đều cho biết đã đưa một số kết quả tham vấn học sinh vào khung theo dõi.

Ngành GD&ĐT cũng là ngành duy nhất có được dữ liệu chi tiết bóc tách một cách rõ ràng về giới như thông tin số trẻ đến lớp là bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ nhưng không phải tất cả các chỉ tiêu đều có thể có dữ liệu bóc tách rõ ràng về tuổi, giới, nơi ở, dân tộc hay tình trạng sức khỏe, khuyết tật.

3.3.4 Sự tham gia của trẻ em vào các chương trình

Như đã đề cập ở cả cấp huyện và cấp tỉnh, sự tham vấn của người chăm sóc trẻ, nhóm trẻ còn khá hạn chế. Sở LĐTBXH, phòng Y tế Mường Ảng và huyện Điện Biên Đông có tổ chức tham vấn để đưa thông tin vào kế hoạch nhưng thực chất các hoạt động này nhằm phục vụ các chương trình, dự án cụ thể chứ chưa hoàn toàn đi theo một quy trình thống nhất, cố định.

Trong đợt nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã tiến hành 2 buổi thảo luận nhóm với trẻ em và hai buổi thảo luận nhóm với nhóm người chăm sóc trẻ để tìm hiểu cách thức tổ chức sự tham gia và bảo đảm quyền trẻ em ở địa phương.

Tại Mường Ảng, ở một số ngành như GD&ĐT, cách hiểu về người chăm sóc trẻ còn đôi chút lẫn và gộp với vai trò của giáo viên nên hoạt động tham vấn, nếu có, dường như được kết hợp lấy ý kiến của các cán bộ quản lý trực tiếp (như các Hiệu trưởng được lấy ý kiến để triển khai Nghị định 49, …). Hoạt động tham vấn trẻ em trực tiếp hầu như còn rất ít, trừ trường hợp có yêu cầu của chương trình như chương trình "chăm sóc trẻ em HIV" của ngành Y tế. Mặc dù vậy, ở các trường học hiện nay có khá nhiều hoạt động cho học sinh tham gia như vẽ tranh, viết thư, sinh hoạt đội,.. Nếu có công cụ phân tích phù hợp, đây chính là những hoạt động có thể làm nền tảng cho công tác tham vấn để tìm hiểu các vấn đề liên quan tới quyền của trẻ em, mong đợi của trẻ, hoặc đánh giá những chương trình, hoạt động đang diễn ra…. nhằm đưa thông tin vào bản kế hoạch ngành và kế hoạch chung của địa phương.

Ở huyện Điện Biên Đông, việc tham gia của nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ vào qui trình lập kế hoạch đã có dù còn ở mức độ hạn chế. Từ năm 2011 đến nay, hàng năm huyện đều tổ chức diễn đàn trẻ em, các ý kiến đóng góp từ phía trẻ em và người chăm sóc trẻ đã được ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế và Giáo dục xem xét và đưa vào các chương trình hoạt động của ngành như Tổ chức hội thi tìm hiểu bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, chia sẻ hiểu biết và kỹ năng giao tiếp cho trẻ; tham vấn các người chăm sóc trẻ về các vấn đề nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ sơ sinh, mẫu giáo . . . Qua thảo luận nhóm trực tiếp với một nhóm cha mẹ và nhóm trẻ để tìm hiểu mức độ tham gia vào Dự án Phát triển vùng của tổ chức Tầm nhìn Thế giới thông qua UBND huyện và Phòng GD&ĐT đã cho thấy cha mẹ và người chăm sóc trẻ có được hỏi ý kiến về Chương trình và để lập kế hoạch nhưng cũng chỉ mới ở mức độ hạn chế.

3.4 So sánh chéo giữa các ngành

Như thiết kế của phương pháp và công cụ nghiên cứu, việc rà soát bằng chấm điểm là một phép thử nhằm "lượng hóa" mức độ phản ánh quyền trẻ em trong quy trình lập kế hoạch cũng như trong sản phẩm các bản kế hoạch của các ngành, đồng thời so sánh chéo để kiểm nghiệm mức độ phản ánh có tương thích với phạm vi chức năng của từng ngành liên quan tới quyền trẻ em như thế nào.

Hình 2. So sánh kết quả rà soát quy trình lập kế hoạch hàng năm của 4 ngành ở hai cấp

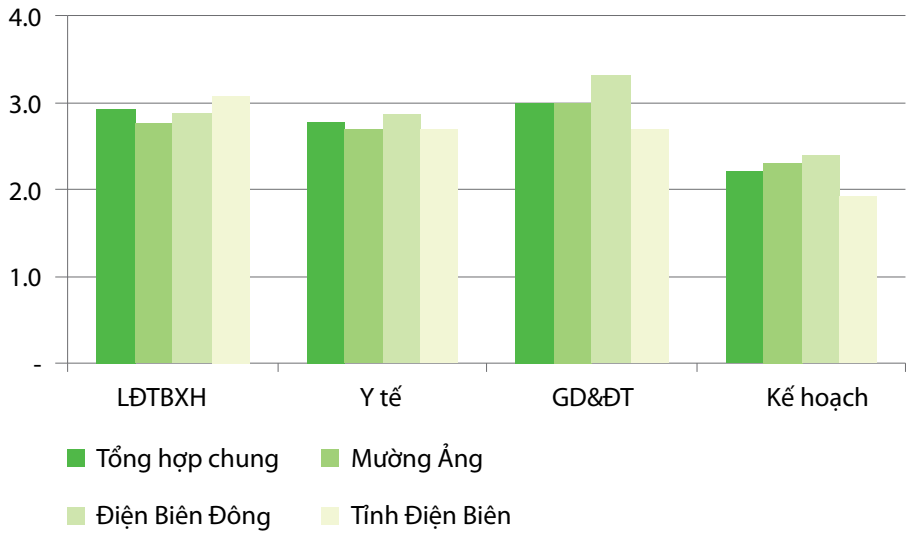

Hình 2 cho thấy nhìn trên tổng thể ngành GD&ĐT hiện có quy trình lập kế hoạch giúp đảm bảo phản ánh nhiều quyền lợi cho trẻ em hơn cả, sau đó đến ngành LĐTBXH, Y tế và cuối cùng là ngành Kế hoạch. Thứ tự này hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các ngành như đã đề cập ở trên. Xét theo ngành và cấp, dường như ngành GD&ĐT Điện Biên Đông đang có nhiều công cụ với quy trình nổi trội hơn hẳn, sau đó là ngành LĐTBXH ở cấp tỉnh. Mặc dù vậy vẫn cần nhấn mạnh rằng vẫn còn rất nhiều khía cạnh có thể cải thiện và sẽ được trình bày ở phần Hạn chế và Bài học kinh nghiệm, trong nhiều trường hợp các điểm số vẫn còn "cao" hơn thực tế.

Hình 3. So sánh mức độ phản ảnh quyền trẻ em trong bản kế hoạch năm 2014 của 4 ngành tại 2 cấp

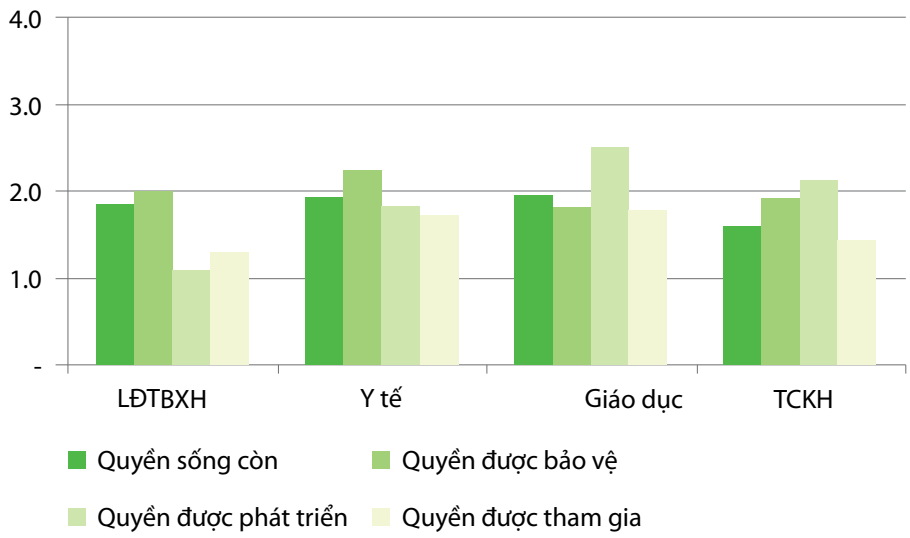

Hình 3 so sánh tương quan phản ảnh từng nhóm quyền trong bản kế hoạch của từng ngành. Hai nhóm quyền đang được tập trung nhất là quyền được phát triển (do ngành GD&ĐT dẫn đầu) và quyền được bảo vệ (với ngành Y tế, LĐTBXH) dù kết quả đánh giá cũng mới chỉ ở mức độ trung bình khá. Điểm đáng ghi nhận là sự khác biệt giữa các bản kế hoạch không quá xa, thể hiện mức độ gắn kết đáng kể. Rà soát trực tiếp cho thấy kế hoạch của các ngành chức năng phản ánh tương đối nhiều các chỉ số và mục tiêu liên quan đến trẻ em còn bản kế hoạch của ngành kế hoạch (Sở KHĐT, Phòng TCKH) chỉ phản ánh ở mức độ hạn chế các chỉ số và mục tiêu liên quan đến trẻ trong bản kế hoạch. Điều này hoàn toàn đúng với chức năng là bản kế hoạch tổng hợp nên không thể bao quát hết các chỉ tiêu và mục tiêu liên quan đến trẻ em.

3.5 Môi trường thể chế và năng lực về lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em cho các cán bộ địa phương

Bảng 3. Đánh giá về năng lực cán bộ để thực hiện lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em

Điểm càng thấp càng cần lưu ý

	LĐTBXH	Y tế	GD&ĐT	Kế hoạch	Huyện Mường Ảng	Huyện Điện Biên Đông	Tỉnh
Khó khăn về nhận thức và kiến thức liên quan đến mục tiên nhạy cảm với trẻ để lập kế hoạch	2,7	2,7	3,0	2,7	2,5	3,0	2,8
Khó khăn về chuyển các khái niệm thành hành động cụ thể liên quan đến trẻ em	2,3	2,7	3,0	2,7	2,3	3,0	2,8
Các cán bộ kế hoạch được đào tạo hoặc có kiến thức về các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em	2,0	2,3	3,3	2,7	2,5	2,5	2,8

Kết quả tổng hợp trên Bảng 3 hoàn toàn tương đồng với các ý kiến, nhận định từ các buổi phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Nhìn chung, các cán bộ kế hoạch của các sở và các phòng ban cấp huyện đều cho biết sẽ gặp nhiều khó khăn để xây dựng kế hoạch phản ánh quyền trẻ em bởi còn thiếu nhiều nhận thức, kiến thức về các mục tiêu cho trẻ em.

Trừ nhóm cán bộ kế hoạch của Sở LĐTBXH, ngành GD&ĐT và nhóm cán bộ Điện Biên Đông đã được tập huấn và hiểu rõ về các nhóm quyền trẻ em, hầu hết các cán bộ kế hoạch của Sở Y tế, KHĐT và các phòng ban cấp huyện đều chưa được tập huấn về các quyền trẻ em để có thể triển khai lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em. Chính vì vậy việc chuyển các khái niệm quyền trẻ em thành các hoạt động cụ thể trong bản kế hoạch là một thách thức lớn của họ. Các cán bộ kế hoạch của các đơn vị được kiểm toán đều cho điểm về năng lực kỹ thuật của họ trong việc đưa các vấn đề trẻ em vào trong bản kế hoạch ở mức độ thấp (điểm 2/4), trừ các cán bộ của Sở GD&DT. Khác với Điện Biên Đông đã được nhiều chương trình, dự án hỗ trợ nên đều tự đánh giá ở mức 3, các cán bộ kế hoạch cấp huyện ở Mường Ảng hầu hết cũng đều chỉ cho mức 2/4 bởi đa số đều là cán bộ trẻ, chưa được đào tạo bài bản về xây dựng kế hoạch, thậm chí cán bộ Phòng Y tế còn cho biết các cán bộ mới chưa từng được tập huấn về lập kế hoạch.

Ngoài ra, theo chia sẻ của các cán bộ, các hỗ trợ sau này về lập kế hoạch hướng theo quyền cần lưu ý đến các quyền của trẻ em được thể hiện ở nhiều bản quy phạm khác nhau và thường xuyên thay đổi nên sẽ càng dễ gây khó khăn cho việc hướng dẫn các cán bộ hiểu, nắm bắt về các quyền của trẻ em và trong việc xây dựng mục tiêu thực hiện quyền trẻ em trong quy trình xây dựng kế hoạch.

4. Các kết luận và kiến nghị

4.1 Kết luận

Tương tự như phát hiện từ báo cáo Kết quả Rà soát Việc lồng ghép các vấn đề liên quan đến trẻ em trong Kế hoạch PTKTXH năm 2013 cấp tỉnh (về tính thân thiện với trẻ em), đợt rà soát này đối với Kế hoạch 2014 cả cấp tỉnh và 2 huyện của Điện Biên đều nhận thấy các bản kế hoạch nói chung đã tập trung lồng ghép cho nhóm quyền Hành động vì lợi ích cao nhất của trẻ em - các bản kế hoạch của các ngành đều đã phản ánh nhóm quyền được phát triển và được bảo vệ ở mức độ khá. Các bản kế hoạch hàng năm đều chi tiết và cụ thể hơn, dựa trên nền bản kế hoạch và bộ chỉ tiêu 5 năm. Tuy nhiên nhóm quyền về được tham gia vẫn còn rất hạn chế. Nếu đi sâu vào từng nhóm quyền theo phân nhóm quyền của Luật BVCSTE, một số nhóm quyền hầu như chưa được đề cập tới trong cả kế hoạch 5 năm 2011-2015 và kế hoạch hàng năm (2014) của các bản kế hoạch cấp tỉnh và ở một cấp độ sơ lược ở bản kế hoạch cấp huyện. Các nhóm quyền còn chưa được lồng ghép nhiều gồm quyền khai sinh, quyền được sống chung với cha mẹ, quyền được phát triển năng khiếu, quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch.

Về tổng thể, quy trình lập kế hoạch được rà soát, đánh giá ở mức trung bình khá (2,7/4) và thông qua quá trình rà soát cùng cán bộ các ngành đã làm rõ một số phát hiện chính như sau:

- Cũng như hạn chế về quyền tham gia, việc tham vấn ý kiến của các đơn vị, cơ quan liên quan cho các bản kế hoạch đều mới chỉ được thực hiện tại một vài đơn vị và phục vụ cho công tác chuẩn bị lập kế hoạch song việc tham vấn ý kiến còn mang tính hành chính, hình thức; hầu như chưa có sự tham gia của các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ, trừ một vài trường hợp khi có nguồn hỗ trợ của dự án, chương trình có yếu tố nước ngoài. Ngược lại ở các trường học các cấp hiện nay có khá nhiều hoạt động, phong trào tạo sự tham gia và thu thập được suy nghĩ,

mong đợi của trẻ nhưng lại chưa có cơ chế để hỗ trợ phân tích, sử dụng các thông tin này cho công tác lập kế hoạch;

- Để có thể phân tích đảm bảo các quyền, số liệu phục vụ phân tích hiện trạng, vấn đề nhất là số liệu liên quan đến tình trạng bất bình đẳng của trẻ em mới chỉ được bóc tách một cách tương đối theo tuổi, nơi ở, khuyết tật, mà chưa cụ thể về giới và dân tộc. Đồng thời còn khá nhiều quyền của trẻ em lại chưa được cụ thể thành chỉ số để có cơ sở thu thập dữ liệu và cũng hầu như chưa có các cuộc điều tra để nắm chính xác hiện trạng, cập nhật dữ liệu và các thay đổi ở điều kiện sống và việc triển khai thực hiện quyền trẻ em.

- Trong nhiều bản kế hoạch còn thiếu thông tin về số trẻ em được hoặc phải chịu ảnh hưởng: Các chỉ tiêu phát triển kinh tế và công nghiệp chưa đưa các thông tin/ số liệu liên quan đến tình trạng của trẻ em như số trẻ được hưởng lợi hay bị ảnh hưởng từ các chương trình. Hợp phần môi trường chưa xây dựng các giải pháp phòng tránh hay giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu hay phòng tránh thiên tai đến đời sống của trẻ. Các chương trình mục tiêu quốc gia chưa có số liệu về số trẻ được hưởng lợi (trực tiếp, gián tiếp) từ chương trình. Các chương trình trọng tâm hướng vào trẻ chưa gắn với các nguồn lực nên việc thực hiện kế hoạch chưa đạt hiệu quả cao.

- Việc phân bổ ngân sách cho các chương trình có trọng tâm hướng vào trẻ em chưa được ưu tiên cao. Một số chương trình tuy đã được tỉnh phê duyệt nhưng vẫn chưa được thực hiện do thiếu vốn đầu tư.

- Dù đã có một số đơn vị bắt đầu xây dựng khung theo dõi giám sát nhưng nhìn chung cơ chế theo dõi và giám sát vẫn chưa được chú trọng, và vai trò của trẻ em trong việc tham gia theo dõi, đánh giá các chương trình liên quan đến các quyền cũng còn rất thiếu vắng. Đây là một sự "lãng phí" đáng kể nguồn lực bởi qua khảo sát cho thấy trẻ em và người chăm sóc trẻ như các phụ huynh, người bảo trợ trong gia đình có thể đóng góp nhiều thông tin, đề xuất các giải pháp hữu hiệu cho các chương trình, hoạt động đầu tư đang diễn ra bởi ngay trong cộng đồng của họ. Các hoạt động tham vấn, lấy ý kiến để xây dựng kế hoạch dường như là khá thách thức bởi hạn chế về ngôn ngữ cũng như năng lực phân tích tình hình;

- Việc sử dụng khái niệm quyền trẻ em để phân tích, lý giải tình trạng của các vấn đề về trẻ em trong bản kế hoạch còn khá mới mẻ và được coi là một trong những thách thức chính để xây dựng kế hoạch dựa trên quyền trẻ em.

4.2 Kiến nghị

Trong điều kiện tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định 266 của UBND tỉnh về "qui định trình tự trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch theo dõi, đánh giá kế hoạch theo hướng đổi mới có sự tham gia của các bên liên quan, khuyến khích sử dụng các công cụ kiểm toán xã hội, đợt kiểm toán này đúc rút một số đề xuất như sau:

- Tranh thủ kết hợp với các hoạt động, chương trình hỗ trợ để tăng cường năng lực cho các cán bộ kế hoạch về các quyền trẻ em và các kỹ thuật chuyển các quyền trẻ thành các mục tiêu, chỉ tiêu, hoạt động cụ thể vào bản kế hoạch. Đồng thời chú trọng tới các ngành đang tiên phong về lập kế hoạch theo phương pháp tiếp cận quyền trẻ em như ngành GD&ĐT để triển khai thành công, thông qua đó chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý, lãnh đạo địa phương các cấp về các quyền trẻ em, lồng ghép quyền trẻ em trong các hoạt động của kế hoạch và kỹ năng quản lý điều phối các chương trình ưu tiên cho trẻ em.

- Tiếp tục khuyến khích triển khai đồng bộ và đi vào thực chất qui trình tham vấn có sự tham gia của cộng đồng bao gồm cả các nhóm trẻ và cha mẹ, người chăm sóc

trẻ, - tranh thủ tận dụng các kênh sẵn có như các hoạt động tập thể của các trường học, các cộng đồng địa phương.

- Tăng cường việc hỗ trợ các huyện xây dựng Khung kế hoạch, phát triển thành khung theo dõi, giám sát và đánh giá, đồng thời củng cố việc triển khai các cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá có sự tham gia của cộng đồng, nhất là các nhóm trẻ. Đặc biệt nên ưu tiên lưu tâm đưa vào đánh giá, phân tích tác động của các các chương trình không trực tiếp hướng vào trẻ nhưng có tác động đáng kể đến trẻ như tái định cư, nước sạch, vệ sinh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai v.v… để đúc rút bài học cho các công trình, hạng mục khác trong tương lai;

- Sở KHĐT phối hợp Cục Thống kê tỉnh, tranh thủ các chương trình có liên quan để rà soát lại các chỉ tiêu kế hoạch và thống nhất các biểu mẫu và cách thu thập số liệu thống kê xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với điều kiện hiện tại. Trong từng giai đoạn cần xác định các chỉ tiêu liên quan đến nhóm quyền trẻ em nào cần được lựa chọn và đưa vào trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Song song với quá trình đó, cũng cần hỗ trợ các ngành hoàn chỉnh bộ chỉ số bóc tách rõ ràng về tình trạng bất bình đẳng của trẻ bao gồm: tuổi, giới tính, nơi ở, dân tộc, khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn. Hình thành cơ chế thu thập dữ liệu để đảm bảo chất lượng và từng bước xây dựng các điều tra cơ bản để kiểm định những tiến bộ trong đời sống của trẻ.

- Việc lồng ghép các mục tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu liên quan đến quyền trẻ em của các ngành nên được thể hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hạn chế tình trạng các kế hoạch vì trẻ em được quyết định riêng lẻ, khi có dự án hỗ trợ thì có quyết định ban hành và triển khai.

Trong thời gian tới, khi tỉnh Điện Biên cũng như các tỉnh khác đang chuẩn bị cho chu kỳ lập kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020, tỉnh nên tranh thủ các nguồn lực để triển khai các khuyến nghị trên một cách tổng hợp và đồng bộ nhằm nâng cao năng lực từ xây dựng phương pháp thu thập dữ liệu về hiện trạng về từng nhóm quyền để phân tích, xây dựng các chỉ tiêu, chỉ số phù hợp và giải pháp tương ứng.

Từ phía UNICEF với góc độ một tổ chức có chuyên môn và có thể huy động nguồn lực hỗ trợ tỉnh có thể triển khai một số trợ giúp như sau cho Điện Biên để thực hiện một số khuyến nghị vừa nêu:

- Hỗ trợ xây dựng và giới thiệu bộ chỉ số thể hiện cho các quyền của trẻ em, có hướng dẫn để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, cơ quan liên quan;

- Hoàn thiện Sổ tay Kiểm toán xã hội dựa trên Quyền trẻ em cùng bộ công cụ Kiểm toán xã hội (gồm biểu mẫu đánh giá, tổng hợp và mẫu báo cáo dạng đơn giản) nhằm cung cấp các tài liệu dạng Đánh giá nhanh (danh mục kiểm tra- checklist) để giúp các đơn vị tự rà soát, đánh giá và cải thiện quy trình cũng như nội dung bản kế hoạch của đơn vị mình theo hướng phản ánh ngày càng nhiều hơn các quyền của trẻ em. Sổ tay cần được điều chỉnh thêm về mặt ngôn ngữ cho dễ hiểu và dễ tiếp cận hơn, đặc biệt nếu cần nên kết hợp với bộ công cụ của đợt kiểm toán này để hoàn chỉnh thành một bộ công cụ kiểm toán quyền trẻ em theo đúng các ngôn ngữ của kế hoạch.

5. Hạn chế của đợt Kiểm toán và Bài học kinh nghiệm

√ Đây là lần đầu tiên thực hiện việc rà soát qui trình kế hoạch và kế hoạch dựa trên

quyền trẻ em nên hầu như tài liệu và bộ công cụ cũng còn khá mới mẻ. Nhóm nghiên cứu đã đề xuất triển khai theo phương thức có sự tham gia bằng cách cán bộ địa phương tự chấm điểm sau đó nhóm nghiên cứu cùng rà soát lại. Tuy nhiên do thang điểm còn khá chủ quan với 4 là tốt nhất nên kết quả chấm điểm giữa các ngành, các cấp còn có sự khác biệt do cách hiểu và cách nhìn nhận về tiêu chí thang điểm khác nhau. Bản thân tiêu chí của mỗi thang điểm cũng có những hạn chế và khó có thể đo lường đánh giá cho điểm được chuẩn xác, ví dụ đánh giá về việc rà soát việc thực hiện so với kế hoạch thang điểm gồm Không rà soát (1 điểm), rà soát 50% tổng số báo cáo (2 điểm), rà soát 89% (3 điểm) nhưng khó có thể "ước lượng" chính xác mức độ rà soát. Tuy nhiên đây cũng là điều dễ hiểu khi cố gắng lượng hóa các phân tích định tính nhưng nếu nhìn tổng thể, các con số tổng hợp vẫn phản ánh khá đúng với xu hướng và nhận định thực tế của nhóm nghiên cứu. Do đó phương pháp chấm điểm vẫn được đề xuất tiếp tục sử dụng, nhất là trong trường hợp coi nó như công cụ để tự đánh giá, tự rà soát nhằm nhìn nhận những "khâu" còn yếu của quy trình lập kế hoạch và bản kế hoạch.

√ Việc tách theo 4 nhóm quyền theo Công ước quốc tế (như dự kiến ban đầu) thành 9 nhóm quyền theo Luật BVCSTE của Việt Nam có thuận lợi là chi tiết nhưng khi triển khai lại gặp một số khó khăn như một số quyền được ngầm hiểu trên thực tế nhưng chưa hề có mô tả, phân tích nào trực diện để nói về các quyền này của trẻ như như quyền sống chung với cha mẹ vẫn được ngầm hiểu trong ngành GD&ĐT là không thể bắt trẻ ở nội trú nên trên thực tế sẽ rất khó chấm điểm khi quá tách bạch và đòi hỏi bằng chứng cụ thể là được nêu trong bản kế hoạch như thế nào. Do đó trong tương lai, khi áp dụng công cụ này có thể tùy điều kiện và năng lực cán bộ để chỉ áp dụng 4 nhóm quyền hoặc áp dụng cả 9 nhóm quyền.

√ Các chỉ tiêu kế hoạch dựa trên nhóm quyền trẻ em liên quan nhiều đến chức năng và nhiệm vụ của các ngành Y tế, Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội và thường gắn liền với các chương trình mục tiêu quốc gia nên các nguồn lực kinh phí thường được phân bổ rõ ràng. Tuy nhiên còn những chỉ tiêu liên quan đến quyền tham gia và quyền vui chơi giải trí văn hóa nghệ thuật lại không có chỉ tiêu cụ thể nào được xác định và đưa vào bản chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

√ Phương thức triển khai với cán bộ địa phương tự chấm điểm trước và nhóm nghiên cứu cùng thảo luận để hoàn chỉnh, làm rõ là một phương pháp khá hiệu quả nhưng cần dành nhiều thời gian cho từng bước. Cán bộ cần thời gian để tự chấm kỹ và gửi cho nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cần thời gian tự rà soát bản chấm và đối chiếu với bản kế hoạch và sau đó cả hai bên cần thời gian để cùng trực tiếp thảo luận, hoàn chỉnh kỹ với nhau để đảm bảo sự thống nhất. Ví dụ do chưa được trao đổi kỹ về các nhóm quyền trẻ em theo từng ngành nên giữa tuyến tỉnh và tuyến huyện có sự nhìn nhận đánh giá khác nhau về các nhóm quyền trẻ em do ngành/đơn vị phụ trách. Đây là sự khác biệt dễ nhận thấy ở kết quả tổng hợp từ kiểm toán ở cấp tỉnh (Bảng 6. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em trong kế hoạch PTKTXH 5 năm (2011-2015) và kế hoạch năm 2014 của các sở ngành) và cấp huyện (Bảng 7. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em vào kế hoạch năm 2014 của các đơn vị cấp huyện). Sở Y tế chỉ đánh giá trực tiếp thực hiện được ¼ nhóm quyền, còn 2 huyện đều tự đánh giá thực hiện hiện được nhiều hơn hẳn- Phòng Y tế Mường Ảng là 2/4 nhóm quyền, còn Phòng Y tế huyện Điện Biên Đông thì tới cả 4/4 nhóm quyền và ở mức điểm khá cao. Tương tự, Sở GD&ĐT chỉ tự đánh giá thực hiện được ¼ nhóm quyền theo công ước quốc tế nhưng Phòng GD&ĐT ở cả hai huyện đều tự đánh giá hoàn thành được cả 4/4 nhóm quyền. Cần thêm thời gian thử nghiệm và thời gian để các đơn vị được cùng ngồi và cùng rà soát nhằm đảm bảo chất lượng cũng như mức độ thống nhất các kết quả rà soát, chấm điểm. Ngoài ra, trong tương lai, các công cụ cần được đảm bảo thiết kế ở dạng dễ sử dụng, tổng hợp nhất và về lâu dài nên có sẵn biểu mẫu giúp cho phân tích, báo cáo nhanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ảnh bìa, http://dulichgo.blogspot.com/2011/11/tan-man-tay-bac.html
2. Báo cáo Kết quả Rà soát Việc lồng ghép các vấn đề liên quan đến trẻ em trong Kế hoạch PTKTXH năm 2013 cấp tỉnh
3. Thông tư liên tịch 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo
4. Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5. Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế
6. Quyết định 266/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Điện Biên quy định về trình tự và trách nhiệm lập, phê duyệt và theo dõi đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
7. Kế hoach phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 tỉnh Điện Biên
8. Chỉ tiêu kế hoach kinh tế-xã hội của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015
9. Kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2011-2015
10. Kế hoạch phát triển sự nghiệp Y tế giai đoạn 2011-2015
11. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2006-2010 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
12. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2013; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng- an ninh năm 2014.
13. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2013, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Ngành Lao động - Thương bình và Xã hội năm 2014.
14. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm 2013 và xây dựng kế hoạch phát tiênr sự nghiệp giáo dục năm 2014.
15. Kế hoạch phát triển sự nghiệp Y tế năm 2014.
16. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013 nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2014 của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

PHỤ LỤC 1. CÁC BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN QUI TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG BẢN KẾ HOẠCH CÓ SỰ THAM GIA CỦA CÁN BỘ KẾ HOẠCH CÁC SỞ VÀ HAI HUYỆN

Bảng 4. Bảng kiểm qui trình lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em của các sở và các phòng- qui trình lập kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm

	Các sở				Các phòng thuộc huyện Mường Ảng				Các phòng thuộc huyện Điện Biên Đông			
Nội dung	**LĐTBXH**	**Y tế**	**GD& ĐT**	**KH&ĐT**	**LĐTBXH**	**Y tế**	**GD& ĐT**	**TCKH**	**LĐTBXH**	**Y tế**	**GD& ĐT**	**TCKH**
Rà soát báo cáo thực hiện kế hoạch năm trước với các ưu tiên đảm bảo các quyền của trẻ em	4	4	4	3	4	2	4	4	3	3	3	3
Đối chiếu hoạt động năm trước với các chương trình hành động vì quyền của trẻ em	4	4	2	2	4	3	3	2	4	4	4	2
Tham vấn ý kiến các phòng ban liên quan và địa phương các cấp	4	4	2	2	4	4	4	4	4	4	4	2
Tham vấn ý kiến người chăm sóc trẻ và các nhóm trẻ	3	1	1	1	3	4→3	2	2	4→3	4→3	4	1
Kế hoạch xây dựng dựa trên các số liệu bóc tách xác định rõ các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ	3	4	4	3	2	2	3	3	3	3	3	3
Các ý kiến đóng góp từ địa phương các cấp và các ban ngành liên quan được xem xét trong quá trình lập kế hoạch	4	4	3	3	4	4	4	3	3	3	3	3
Các kết quả tham vấn các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ được xem xét trong quá trình lập kế hoạch	4	1	1	2	4	3	4	3	4	4	4	1
Các nguồn lực tài chính được phân tích trong quá trình lập kế hoạch	3	3	4	2	3	1	4	3	4	4	3	4
Chính quyền địa phương các cấp, các ban ngành liên quan, người chăm sóc trẻ và các nhóm trẻ được tham vấn về kế hoạch chi tiết	3	2	1	2	2	2	4	2	2	2	3	2
Tổng số điểm (tối đa: 36; tối thiểu: 9)	**33**	**27**	**22**	**20**	**30**	**29**	**32**	**26**	**31**	**31**	**31**	**21**

Bảng 5. Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch đến 2015/chỉ số chủ yếu liên quan đến 4 nhóm quyền cơ bản của trẻ em trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2011-2015) của tỉnh Điện Biên

	Các chỉ tiêu/chỉ số chủ yếu liên quan đến các quyền trẻ em		Chỉ tiêu liên quan đến TE	Chỉ tiêu trực tiếp đến TE
I Quyền sống còn				
	1.	Dân số	578,733	
	2.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	<14,25%	
	3.	Giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi		<20%
	4.	Tỉ lệ trẻ < 1tuổi tiêm đầy đủ các loại vắc xin		>94%
	5.	Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi		23,5%0
	6.	Tỉ lệ xã có bác sỹ	60%	
	7.	Số xã/phường đạt chuẩn quốc gia về y tế	72,3%	
	8.	Số bác sỹ/10.000 người	10,8	
	9.	Số giường bệnh/10.000 người	32	
	10.	Tỷ số chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống		70%
	11.	Tỷ lệ bướu cổ trẻ em (8-10 tuổi)		4,3%
	12.	Tỉ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em		44,64%
	13.	Tỷ lệ dân nông thôn được cấp nước sinh hoạt	95%	
II Quyền phát triển:				
	14.	Số học sinh 3-5 tuổi huy động đến lớp		>88%
	15.	Tỉ lệ học sinh 6-10 tuổi đến trường		>99%
	16.	Tỉ lệ học sinh 11-14 tuổi đi học THCS		>90%
	17.	Tỉ lệ học sinh 15-18 tuổi đi học THPT		>65%
	18.	Tỉ lệ học sinh các cấp lên lớp		>98%
	19.	Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt		>90%
	20.	Tỉ lệ trường đạt tiêu chuẩn quốc gia		>47%
	21.	Đại học và cao đẳng		
	22.	Tỉ lệ lao động được đào tạo nghề	44,8%	
	23.	Số xã có nhà trẻ, trường mẫu giáo		112
	24.	Tỉ lệ xã nghèo có nhà trẻ, lớp mẫu giáo		100%

	Các chỉ tiêu/chỉ số chủ yếu liên quan đến các quyền trẻ em		Chỉ tiêu liên quan đến TE	Chỉ tiêu trực tiếp đến TE
	25.	Tỉ lệ xã nghèo có lớp mẫu giáo		100%
	26.	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	44,8%	
	27.	Tỉ lệ phòng ở cho học sinh nội trú dân nuôi được xây dựng kiên cố		100%
	28.	Tỉ lệ phòng học được kiên cố hóa		90%
	29.	Tỉ lệ huyện đạt phổ cập THCS		3%
	30.	Tỉ lệ thành phố, thị xã, huyện có sân vận động, nhà thi đấu thể thao	100%	
	31.	Tỉ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã	100%	
	32.	Tỉ lệ xã có đường dân sinh	100%	
	33.	Số điểm văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em		65
	34.	Số bệnh viện được xây dựng mới	3	
	35.	Số cơ sở khám chữa bệnh được hoàn thiện và sửa chữa	71	
III Quyền được bảo vệ				
	36.	Tạo việc làm mới (người/năm)	8000	
	37.	Tỉ lệ hộ nghèo	<31,29%	
	38.	Tỉ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá	60%	
	39.	Tỉ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá	50%	
	40.	Tỉ lệ cơ quan, đơn vị trường học đạt tiêu chuẩn văn hoá	80%	
IV Quyền tham gia				
	41.	Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam	100%	
	42.	Tỷ lệ hộ nghe được đài phát thanh tỉnh	95%	
	43.	Tỷ lệ hộ xem được truyền hình	93%	
	44.	Số điện thoại cố định/100 dân	28	
	45.	Số thuê bao Internet	65000	
	46.	Tỉ lệ gia đình được công nhận gia đình thể thao	14,12%	

Bảng 6. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em trong kế hoạch PTKTXH 5 năm (2011-2015) và kế hoạch năm 2014 của các sở ngành

Các quyền trẻ em		Các đơn vị tham gia rà soát kế hoạch							
Theo công ước quốc tế	Theo luật Việt Nam	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		Sở Y tế		Sở Giáo dục và Đào tạo		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
		2014	2011-2015	2014	2011-2015	2014	2011-2015	2014	2011-2015
Quyền sống còn	Quyền được khai sinh và có quốc tịch	20	19	19	19	19	19	19	19
	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng	54	54	32	39	19	19	26	22
	Quyền sống chung với cha mẹ	20	20	19	19	19	19	19	19
Quyền được bảo vệ	Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự	35	35	19	19	19	19	19	19
	Quyền được chăm sóc sức khỏe	20	20	19	19	19	19	26	39
Quyền được phát triển	Quyền được học tập	20	20	19	19	42	41	30	39
	Quyền được phát triển năng khiếu	20	20	19	19	19	19	19	19
Quyền được tham gia	Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch	20	20	19	19	19	19	19	22
	Quyền có tài sản	20	20	19	19	19	19	19	19
	Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội	33	33	19	19	19	19	19	19
Tổng số điểm: tối đa: 76; tối thiểu: 19									

Thang điểm:

1: được phản ánh trong tài liệu

2: được phản ánh một cách hạn chế

3: được phản ánh khá đầy đủ

4: được phản ánh tốt và đầy đủ

Bảng 7. Bảng kiểm mức độ đưa các quyền trẻ em vào kế hoạch năm 2014 của các đơn vị cấp huyện

Theo công ước quốc tế	Theo luật Việt Nam	Các đơn vị tham gia rà soát kế hoạch							
		Huyện Mường Ảng				Huyện Điện Biên Đông			
		Phòng LĐTBXH	Phòng Y tế	Phòng GD&ĐT	Phòng TCKH	Phòng LĐTBXH	Phòng Y tế	Phòng GD&ĐT	Phòng TCKH
Quyền sống còn	Quyền được khai sinh và có quốc tịch	36	19	30	30	41	60	60	47
	Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng	42	45	43	43	49	60	60	44
	Quyền sống chung với cha mẹ	28	19	27	24	28	60	60	27
Quyền được bảo vệ	Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự	47	43	25	43	47	62	63	45
	Quyền được chăm sóc sức khỏe	37	52	19	42	43	62	63	45
Quyền được phát triển	Quyền được học tập	21	19	46	44	22	67	67	59
	Quyền được phát triển năng khiếu	20	19	46	34	22	66	67	58
Quyền được tham gia	Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch	37	19	23	41	37	61	63	52
	Quyền có tài sản	19	19	19	19	13	61	60	22
	Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội	24	19	21	27	20	61	62	34
Tổng số điểm: tối đa: 76; tối thiểu: 19									

Thang điểm:

1: được phản ánh trong tài liệu

2: được phản ánh một cách hạn chế

3: được phản ánh khá đầy đủ

4: được phản ánh tốt và đầy đủ

Bảng 8: Bảng kiểm mức độ lồng ghép giữa các đơn vị chức năng cấp tỉnh và huyện trong việc lập kế hoạch dựa trên quyền trẻ em

Nội dung	Các đơn vị cấp ở				Các phòng huyện Mường Ảng				Các phòng huyện Điện Biên Đông			
	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	KHĐT	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	TCKH	LĐTB XH	Y tế	GDĐT	TCKH
Kế hoạch của đơn vị được lồng ghép với các chương trình/kế hoạch cấp cao hơn (tỉnh/quốc gia/ngành)	4	4	3	2	3	3	4	3	3	3	4	2
Kế hoạch của đơn vị được lồng ghép với kế hoạch của các đơn vị khác cùng cấp và cấp cao hơn	3	4	4	2	4	4	4	3	3	3	4	4
Việc lồng ghép với các chương trình cấp cao hơn và lồng ghép với kế hoạch của các đơn vị khác là một yêu cầu cơ bản để đảm bảo việc thực hiện tốt quyền trẻ em	3	2	3	1	4	4	4	3	3	3	3	3
Kế hoạch có xây dựng các điều tra cơ bản để kiểm định tiến bộ về đời sống của trẻ em trong quá trình thực hiện kế hoạch	3	1	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2
Kết quả tham vấn các nhóm trẻ được đưa vào khung theo dõi	4	1	4	2	2	2	2	2	2	2	3	3
Có cơ chế theo dõi và đánh giá để tận dụng việc theo dõi đánh giá để điều chỉnh các thiết kế của kế hoạch	2	3	1	1	2	2	2	2	4	3	3	2

Thang điểm:

1. không phản ánh trong tài liệu

2. được phản ảnh một cách hạn chế

3. được phản ánh đầy đủ

4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ

Bảng 9: Bảng kiểm hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá của các sở và các phòng ban cấp huyện

Nội dung	Các đơn vị cấp ở				Các phòng huyện Mường Ảng				Các phòng huyện Điện Biên Đông			
	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	KHĐT	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	TCKH	LĐTB XH	Y tế	GDĐT	TCKH
Kế hoạch có xây dựng khung theo dõi và giám sát	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	4	2
Kế hoạch có xây dựng cơ chế thu thập thông tin, số liệu, báo cáo tiến độ	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	3	3
Kế hoạch có các chỉ số và mục tiêu liên quan đến trẻ em	3	4	3	2	3	4	4	2	3	3	3	3
Kế hoạch có xây dựng các điều tra cơ bản để kiểm định tiến bộ về đời sống của trẻ em trong quá trình thực hiện kế hoạch	3	1	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2
Kết quả tham vấn các nhóm trẻ được đưa vào khung theo dõi	4	1	4	2	2	2	2	2	2	2	3	3
Có cơ chế theo dõi và đánh giá để tận dụng việc theo dõi đánh giá để điều chỉnh các thiết kế của kế hoạch	2	3	1	1	2	2	2	2	4	3	3	2

Thang điểm:

1. không phản ánh trong tài liệu

2. được phản ảnh một cách hạn chế

3. được phản ánh đầy đủ

4. được phản ánh rất tốt và đầy

Bảng 10. Bảng kiểm hệ thống thu thập số liệu và thông tin của các sở và các phòng ban cấp huyện

Nội dung	Các đơn vị cấp ở				Các phòng huyện Mường Ảng				Các phòng huyện Điện Biên Đông			
	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	KHĐT	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	TCKH	LĐTB XH	Y tế	GDĐT	TCKH
Kế hoạch có xây dựng khung theo dõi và giám sát	2	2	2	1	2	2	2	1	2	2	4	2
Kế hoạch có xây dựng cơ chế thu thập thông tin, số liệu, báo cáo tiến độ	3	3	3	2	3	2	2	3	3	3	3	3
Kế hoạch có các chỉ số và mục tiêu liên quan đến trẻ em	3	4	3	2	3	4	4	2	3	3	3	3
Kế hoạch có xây dựng các điều tra cơ bản để kiểm định tiến bộ về đời sống của trẻ em trong quá trình thực hiện kế hoạch	3	1	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2
Kết quả tham vấn các nhóm trẻ được đưa vào khung theo dõi	4	1	4	2	2	2	2	2	2	2	3	3
Có cơ chế theo dõi và đánh giá để tận dụng việc theo dõi đánh giá để điều chỉnh các thiết kế của kế hoạch	2	3	1	1	2	2	2	2	4	3	3	2

Thang điểm:

1. không phản ánh trong tài liệu

2. được phản ảnh một cách hạn chế

3. được phản ánh đầy đủ

4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ

Bảng 11. Bảng kiểm năng lực kỹ thuật của các sở trong việc nắm rõ các quyền trẻ em và chuyển thành các mục tiêu/hành động trong bản kế hoạch

Nội dung	Các đơn vị cấp sở				Huyện Mường Ảng				Huyện Điện Biên Đông			
	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	KHĐT	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	TCKH	LĐTBXH	Y tế	GDĐT	TCKH
Có những thách thức trong giai đoạn xây dựng kế hoạch liên quan đến nhận thức và mục tiêu nhạy cảm với trẻ	3	2	4	2	2	3	2	3	3	3	3	
Có những thách thức trong việc chuyển các khái niệm thành hành đông cụ thể liên quan đến các khía cạnh nhạy cảm với trẻ em	2	2	4	3	2	3	2	2	3	3	3	
Các cán bộ kế hoạch được đào tạo hoặc có kiến thức về các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em	2	2	4	3	2	3	3	2	2	2	3	

Thang điểm:

1. có ở mức độ rất nghiêm trọng

2. có ở mức độ lớn hơn

3. có ở mức độ hạn chế

4. không hề có

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐÃ GẶP

	Tên	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Việt Thanh	Phòng văn xã - sở Kế hoạch và Đầu tư	Trưởng phòng
2	Nguyễn Văn Toản	Phòng văn xã - sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phòng BVCSTE- sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Trưởng phòng
4	Dương Thị Hảo	Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Y tế	Chuyên viên
5	Giang Thị Hồng Thu	Phòng kế hoạch tổng hợp - Sở Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
6	Tuyền	Phòng Hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính	Trưởng phòng
7	Phan Đức Anh	Phòng Tài chính-Kế hoạch, huyện Mường Ảng	Cán bộ
8	Trần Thị Hương	Phòng Y tế, huyện Mường Ảng	Cán bộ
9	Trần Thị Huyền	Phòng LĐTBXH, huyện Mường Ảng	Cán bộ
10	Nguyễn Thị Hồng Thuỷ	Phòng GDĐT, huyện Mường Ảng	Cán bộ
11	Kiều Xuân Hoàng	Phòng NN&PTNT, huyện Mường Ảng	Cán bộ
12	Nguyễn Quang Ngân	Phòng GDĐT, huyện Điện Biên Đông	Cán bộ
13	Nguyễn Duy Đại	Trung tâm Y tế, huyện Điện Biên Đông	Phó trưởng phòng
14	Bùi Xuân Thức	Phòng LĐTBXH, huyện Điện Biên Đông	Trưởng phòng
15	Nguyễn Văn Huyện	Phòng Tài chính và Kế hoạch, huyện Điện Biên Đông	Chuyên viên
16	Trần Văn Ngọc	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Điên Biên Đông	Phó trưởng phòng
17	Trần Huy Hoàng	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Điện Biên Đông	Cán bộ

BỘ CÔNG CỤ

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Sở Kế hoạch & Đầu tư Điện Biên

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc

Kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em

BẢNG RÀ SOÁT QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH

Họ và tên người trả lời: .....

Cơ quan công tác: .....

Chức vụ: .....Địa điểm: .....

Ngày/tháng: .....

Tư vấn: .....

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
	A. Qui Trình lập kế hoạch và phân tích				
	A1. Công tác chuẩn bị lập kế hoạch				
A1.1	Rà soát báo cáo thực hiện kế hoạch năm trước với các ưu tiên đảm bảo các quyền của trẻ em				1: không rà soát 2: rà soát 50% tổng số báo cáo 3: rà soát 80% tổng số báo cáo 4: rà soát 100% báo cáo
A1.2	Đối chiếu hoạt động năm trước với các chương trình hành động vì quyền của trẻ em				1:không đối chiếu 2: đối chiếu một phần 3: đối chiếu một số phần liên quan đến trẻ em 4: đối chiếu tất cả các mục liên quan đến trẻ
A1.3	Tham vấn ý kiến các phòng ban liên quan và địa phương các cấp				1: không tham vấn ý kiến 2: chỉ tham vấn ý kiến ban ngành liên quan 3: chỉ tham vấn ý kiến các địa phương 4: tham khảo tất cả

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
A1.5	Tham vấn ý kiến người chăm sóc trẻ và các nhóm trẻ				1: không tham vấn 2: chỉ tham vấn người chăm sóc trẻ 3: chỉ tham vấn trẻ em 4: tham vấn tất cả
	A2. Qui Trình lập kế hoạch				
A2.1	Các kế hoạch xây dựng dựa trên các số liệu bóc tách xác định rõ các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ				1: không có số liệu 2: số liệu không đầy đủ 3: có số liệu nhưng không bóc tách rõ ràng 4: Có số liệu đầu đủ và rõ ràng về tình trạng của trẻ
A2.2	Các ý kiến đóng góp từ địa phương các cấp được và các ban ngành liên quan được xem xét trong quá trình lập kế hoạch				1: không hề có 2: các ý kiến chỉ được dùng vào trong phân tích thực trạng 3: một số ý kiến được xem xét 4: các ý kiến được phân tích rõ trong quá trình lập kế hoạch
A2.3	Các kết quả tham vấn các nhóm trẻ và người chăm sóc trẻ được xem xét trong quá trình lập kế hoạch				1: không đề cập đến 2: các ý kiến chỉ được dùng vào trong phân tích thực trạng 3. một phần kết quả tham vấn được xem xét 4: tất các kết quả đều được xem xét kỹ
A2.4	Các nguồn lực tài chính được phân tích trong quá trình lập kế hoạch				1: không đề cập đến 2: chỉ phân tích nguồn lực tài chính cam kết 3: phân tích các nguồn cam kết và có định hướng tìm kiếm các nguồn tiềm năng 4: phân định rõ nguồn lực tài chính cam kết và các nguồn lực tiềm năng
A2.5	Chính quyền địa phương các cấp, các ban ngành liên quan, người chăm sóc trẻ và các nhóm trẻ được tham vấn về kế hoạch chi tiết				1. không tham vấn 2. chỉ tham vấn chính quyền địa phương các cấp và ban ngành liên quan 3. chỉ tham vấn chính quyền địa phương, ban ngành liên quan, người chăm sóc trẻ 4. tham vấn tất cả
	A3. Nội dung bản kế hoạch				

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
A3.1	Khái niệm quyền trẻ em được dùng để phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trình bày trong tài liệu				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.2	Mục tiêu chung hướng tới thực hiện quyền trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch				1. không phản ánh 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.3	Mục tiêu chung hướng tới giải quyết cụ thể và thúc đẩy quyền và phúc lợi của trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch				1. không phản ánh 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.4	Trẻ em và thanh thiếu niên được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của kế hoạch				1. không phản ánh 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.5	Tác động đầu ra lấy trẻ làm trung tâm là một phần của bản kế hoạch				1. không hề có 2. ở một mức độ hạn chế 3. ở mức độ lớn hơn 4. hoàn toàn
A3.6	Mục tiêu được bóc tách cụ thể theo giới, tuổi và các tiêu chí khác				
A3.7	Kế hoạch có các mục tiêu cụ thể hướng tới giải quyết các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em (về giới; thành thị/ nông thôn; khu vực, dân tộc, tình trạng kinh tế - xã hội, khuyết tật)				1. không phản ánh trong tài liệu 1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.8	Kế hoạch có đề cập đến phân bổ ngân sách cụ thể để đảm bảo các mục tiêu liên quan đến quyền lợi của trẻ em đặt ra được thực hiện một cách khả thi				1. không đề cập 2. được đề cập hạn chế 3. được đề cập đầy đủ 4. được đề cập rất tốt và đầy đủ
A3.9	Kế hoạch có xây dựng cơ chế liên kết với các đơn vị liên quan để đảm bảo các quyền lợi của trẻ				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
A3.10	Kế hoạch dùng ngôn ngữ nhạy cảm với trẻ em nhằm tăng cường hiểu biết của trẻ em với tư cách là người hưởng quyền				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.12	(Với các chương trình không có tập trung vào trẻ em) Chương trình có cơ chế cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
A3.13	Chương trình có đề cập tới các biện pháp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
	B. Theo dõi và đánh giá				
	B1. Công cụ theo dõi và đánh giá				
B1.1	Bản kế hoạch có xây dựng khung theo dõi và giám sát				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế trong tài liệu 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B1.2	Bản kế hoạch có xây dựng cơ chế thu thập thông tin, số liệu, báo cáo tiến độ				1. không có 2. có cơ chế nhưng không rõ 3. có cơ chế rõ ràng 4. có cơ chế rõ ràng và cụ thể
B1.3	Hệ thống và cơ chế thu thập dữ liệu có các chỉ số bác tách theo giới và độ tuổi rõ ràng				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B1.4	Bản kế hoạch có bóc tách số liệu theo dõi người hưởng lợi (theo giới, tuổi, nơi ở)				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B1.5	Có các chỉ số và mục tiêu liên quan đến trẻ em trong bản kế hoạch				1. không hề có 2. được phản ảnh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
B1.6	Có điều tra cơ bản để kiểm định tiến bộ về đời sống của trẻ em trong quá trình thực hiện kế hoạch				1. không hề có 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B1.7	Kết quả tham vấn các nhóm trẻ được đưa vào khung theo dõi				1. không hề có 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B1.8	Có các cơ chế theo dõi và đánh giá để tận dụng việc theo dõi và đánh giá điều chỉnh các thiết kế chương trình và chính sách				1. không hề có 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
	B2. Cơ quan/người chịu trách nhiệm theo dõi và đánh giá				
B2.1	Có cơ chế rõ ràng về cơ quan/ người chịu trách nhiệu theo dõi và đánh giá trong quá trình thực hiện kế hoạch				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B2.2	Có cơ chế rõ ràng về sự tham gia của trẻ em trong việc theo dõi và đánh giá chương trình				1. không phản ánh trong tài liệu 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
B2.3	Có các chương trình tham vấn trẻ em về hiệu quả của chương trình				1. không phản ánh 2. được phản ánh hạn chế 3. được phản ánh đầy đủ 4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ
	C. Điều phối và lồng ghép				
C1	Kế hoạch của đơn vị được tổng hợp với kế hoạch cấp cao hơn thuộc ngành dọc.				1. không hề có 2. có ở mức độ hạn chế 3. có ở mức độ lớn hơn 4. được tổng hợp đầy đủ
C2	Kế hoạch của đơn vị được tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương vh.				1. không hề có 2. có ở mức độ hạn chế 3. có ở mức độ lớn hơn 4. được tổng hợp đầy đủ

	NỘI DUNG	Điểm	Điểm mạnh	Điểm yếu	THANG ĐIỂM
C3	Kế hoạch của đơn vị có được gắn kết với kế hoạch của các ngành khác có liên quan				1. Không hề có 2. có ở mức độ hạn chế 3. có ở mức độ lớn hơn 4. được tổng hợp đầy đủ
	D. Thể chế và năng lực				
D1	Còn có khó khăn về kiến thức, hiểu biết các quyền của trẻ em và xây dựng mục tiêu thực hiện quyền trẻ em trong quy trình xây dựng kế hoạch.			….	1. có ở mức độ rất nghiêm trọng 2. có ở mức độ lớn hơn 3. có ở mức độ hạn chế 4. không hề có
D2	Có những khó khăn trong việc cụ thể hóa các quyền trẻ em thành giải pháp hành động cụ thể				1. có ở mức độ rất nghiêm trọng 2. có ở mức độ lớn hơn 3. có ở mức độ hạn chế 4. không hề có
D3	Các cán bộ kế hoạch được đào tạo hoặc có kiến thức về các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em				1. hoàn toàn chưa có 2. có rất ít 3. có một số 4. hoàn toàn đầy đủ

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Sở Kế hoạch & Đầu tư Điện Biên

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc

KIỂM TOÁN XÃ HỘI DỰA TRÊN QUYỀN TRẺ EM

BẢNG RÀ SOÁT KẾ HOẠCH DỰA TRÊN QUYỀN TRẺ EM

Họ và tên người trả lời: .....

Cơ quan công tác: .....

Chức vụ: .....Địa điểm: .....

Ngày/tháng: .....

Tư vấn: .....

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Sở Kế hoạch & Đầu tư Điện Biên

Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc

Hướng dẫn chấm điểm- theo thang điểm:

1. không phản ánh trong tài liệu

2. được phản ảnh một cách hạn chế

3. được phản ánh đầy đủ

4. được phản ánh rất tốt và đầy đủ **Hướng dẫn ghi nhận xét:** giải thích tại sao cho điểm số - lấy thí dụ hay trích dẫn - bao gồm số trang của bản kế hoạch có nêu nội dung như vậy

Ví dụ: Bản kế hoạch ngành giáo dục cấp tỉnh năm 2014 có nêu vấn đề khám sức khỏe cho học sinh (trang 4) nhưng chưa đề cập tới tiêm phòng ở học sinh mẫu giáo và tiểu học

Theo công ước quốc tế	**Quyền sống còn**					
Theo luật Việt Nam	**Quyền được khai sinh và có quốc tịch**		**Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng**		**Quyền sống chung với cha mẹ**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
1. Khái niệm quyền trẻ em được dùng để phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trình bày trong kế hoạch						

Theo công ước quốc tế	Quyền sống còn					
Theo luật Việt Nam	**Quyền được khai sinh và có quốc tịch**		**Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng**		**Quyền sống chung với cha mẹ**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
2. Mục tiêu chính sách quốc gia hướng tới thực hiện các quyền trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch.						
3. Mục tiêu chung vì trẻ em được xây dựng dựa trên những ưu tiên chính được xác định trong báo cáo phân tích tình hình						
4. Mục tiêu cụ thể trong kế hoạch giải quyết những nhu cầu phúc lợi của trẻ em. Cụ thể: a) Mức độ đầu tư cho các công trình liên quan đến trẻ em b) Các mục tiêu hỗ trợ phát triển giáo dục c) Các mục tiêu chăm sóc sức khỏe d) Các mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập cho người chăm sóc trẻ e) Các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cho trẻ						
5. Kế hoach có các mục tiêu cụ thể để giải quyết các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em (về giới; thành thị/nông thôn; khu vực, dân tộc, tình trạng kinh tế - xã hội, khuyết tật)						
6. Kế hoạch có đề cập đến phân bổ ngân sách cụ thể để đảm bảo các mục tiêu liên quan đến quyền lợi của trẻ em đặt ra được thực hiện một cách khả thi						
7. Kế hoạch có xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đảm bảo các quyền của trẻ em.						
8. Kế hoạch có xây dựng cơ chế giám sát có sự tham gia của người hưởng lợi để đảm bảo tính công khai minh bạch						
9. Kế hoạch có xây dựng cơ chế liên kết với các đơn vị liên quan để đảm bảo các quyền lợi của trẻ						
10. Kế hoạch có đề cập tới cơ chế lồng ghép với các đơn vị liên quan để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch một cách khả thi						
11. Kế hoach dùng ngôn ngữ nhạy cảm với trẻ em nhằm tăng cường hiểu biết của trẻ em với tư cách là người hưởng quyền						

Theo công ước quốc tế	Quyền sống còn					
Theo luật Việt Nam	**Quyền được khai sinh và có quốc tịch**		**Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng**		**Quyền sống chung với cha mẹ**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
12. Các mục tiêu được thiết kế với sự tham gia của các nhóm trẻ em/người chăm sóc.						
13. (Với các kế hoạch không có tập trung vào trẻ em) kế hoạch có cơ chế cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em						
14. Bản kế hoạch có đề cập tới các biện pháp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em						
15. Kế hoach có xây dựng cơ chế kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em và việc chia sẻ thông tin nhằm đảm bảo việc công khai minh bạch các chương trình vì quyền trẻ em						
Tổng số điểm cho tài liệu, chính sách được đánh giá =						

Theo công ước quốc tế	Quyền được bảo vệ			
Theo luật Việt Nam	**Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự**		**Quyền được chăm sóc sức khỏe**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
1. Khái niệm quyền trẻ em được dùng để phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trình bày trong kế hoạch				
2. Mục tiêu chính sách quốc gia hướng tới thực hiện các quyền trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch.				
3. Mục tiêu chung vì trẻ em được xây dựng dựa trên những ưu tiên chính được xác định trong báo cáo phân tích tình hình				
4. Mục tiêu cụ thể trong kế hoạch giải quyết những nhu cầu phúc lợi của trẻ em. Cụ thể:				
a) Mức độ đầu tư cho các công trình liên quan đến trẻ em				
b) Các mục tiêu hỗ trợ phát triển giáo dục				
c) Các mục tiêu chăm sóc sức khỏe				
d) Các mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập cho người chăm sóc trẻ				
e) Các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cho trẻ				

Theo công ước quốc tế	Quyền được bảo vệ			
Theo luật Việt Nam	**Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự**		**Quyền được chăm sóc sức khỏe**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
5. Kế hoach có các mục tiêu cụ thể để giải quyết các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em (về giới; thành thị/nông thôn; khu vực, dân tộc, tình trạng kinh tế - xã hội, khuyết tật)				
6. Kế hoạch có đề cập đến phân bổ ngân sách cụ thể để đảm bảo các mục tiêu liên quan đến quyền lợi của trẻ em đặt ra được thực hiện một cách khả thi				
7. Kế hoạch có xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đảm bảo các quyền của trẻ em.				
8. Kế hoạch có xây dựng cơ chế giám sát có sự tham gia của người hưởng lợi để đảm bảo tính công khai minh bạch				
9. Kế hoạch có xây dựng cơ chế liên kết với các đơn vị liên quan để đảm bảo các quyền lợi của trẻ				
10. Kế hoạch có đề cập tới cơ chế lồng ghép với các đơn vị liên quan để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch một cách khả thi				
11. Kế hoach dùng ngôn ngữ nhạy cảm với trẻ em nhằm tăng cường hiểu biết của trẻ em với tư cách là người hưởng quyền				
12. Các mục tiêu được thiết kế với sự tham gia của các nhóm trẻ em/người chăm sóc.				
13. (Với các kế hoạch không có tập trung vào trẻ em) kế hoạch có cơ chế cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				
14. Bản kế hoạch có đề cập tới các biện pháp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				
15. Kế hoach có xây dựng cơ chế kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em và việc chia sẻ thông tin nhằm đảm bảo việc công khai minh bạch các chương trình vì quyền trẻ em				
Tổng số điểm cho tài liệu, chính sách được đánh giá =				

Theo công ước quốc tế	Quyền được phát triển			
Theo luật Việt Nam	**Quyền được học tập**		**Quyền được phát triển năng khiếu**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
1. Khái niệm quyền trẻ em được dùng để phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trình bày trong kế hoạch				
2. Mục tiêu chính sách quốc gia hướng tới thực hiện các quyền trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch.				
3. Mục tiêu chung vì trẻ em được xây dựng dựa trên những ưu tiên chính được xác định trong báo cáo phân tích tình hình				
4. Mục tiêu cụ thể trong kế hoạch giải quyết những nhu cầu phúc lợi của trẻ em. Cụ thể:				
a) Mức độ đầu tư cho các công trình liên quan đến trẻ em b) Các mục tiêu hỗ trợ phát triển giáo dục c) Các mục tiêu chăm sóc sức khỏe d) Các mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập cho người chăm sóc trẻ e) Các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cho trẻ				
5. Kế hoach có các mục tiêu cụ thể để giải quyết các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em (về giới; thành thị/nông thôn; khu vực, dân tộc, tình trạng kinh tế - xã hội, khuyết tật)				
6. Kế hoạch có đề cập đến phân bổ ngân sách cụ thể để đảm bảo các mục tiêu liên quan đến quyền lợi của trẻ em đặt ra được thực hiện một cách khả thi				
7. Kế hoạch có xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đảm bảo các quyền của trẻ em.				
8. Kế hoạch có xây dựng cơ chế giám sát có sự tham gia của người hưởng lợi để đảm bảo tính công khai minh bạch				
9. Kế hoạch có xây dựng cơ chế liên kết với các đơn vị liên quan để đảm bảo các quyền lợi của trẻ				
10. Kế hoạch có đề cập tới cơ chế lồng ghép với các đơn vị liên quan để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch một cách khả thi				
11. Kế hoach dùng ngôn ngữ nhạy cảm với trẻ em nhằm tăng cường hiểu biết của trẻ em với tư cách là người hưởng quyền				
12. Các mục tiêu được thiết kế với sự tham gia của các nhóm trẻ em/người chăm sóc.				

Theo công ước quốc tế	Quyền được phát triển			
Theo luật Việt Nam	**Quyền được học tập**		**Quyền được phát triển năng khiếu**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
13. (Với các kế hoạch không có tập trung vào trẻ em) kế hoạch có cơ chế cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				
14. Bản kế hoạch có đề cập tới các biện pháp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em				
15. Kế hoach có xây dựng cơ chế kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em và việc chia sẻ thông tin nhằm đảm bảo việc công khai minh bạch các chương trình vì quyền trẻ em				
Tổng số điểm cho tài liệu, chính sách được đánh giá =				

Theo công ước quốc tế	Quyền được tham gia					
Theo luật Việt Nam	**Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lich**		**Quyền có tài sản**		**Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
1. Khái niệm quyền trẻ em được dùng để phân tích hay lý giải tình trạng các vấn đề về trẻ em trình bày trong kế hoạch						
2. Mục tiêu chính sách quốc gia hướng tới thực hiện các quyền trẻ em được phản ánh rõ ràng trong bản kế hoạch.						
3. Mục tiêu chung vì trẻ em được xây dựng dựa trên những ưu tiên chính được xác định trong báo cáo phân tích tình hình						
4. Mục tiêu cụ thể trong kế hoạch giải quyết những nhu cầu phúc lợi của trẻ em. Cụ thể:						
a) Mức độ đầu tư cho các công trình liên quan đến trẻ em b) Các mục tiêu hỗ trợ phát triển giáo dục a) Các mục tiêu chăm sóc sức khỏe b) Các mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập cho người chăm sóc trẻ c) Các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội cho trẻ						
5. Kế hoach có các mục tiêu cụ thể để giải quyết các bất bình đẳng trong tình trạng của trẻ em (về giới; thành thị/nông thôn; khu vực, dân tộc, tình trạng kinh tế - xã hội, khuyết tật)						
6. Kế hoạch có đề cập đến phân bổ ngân sách cụ thể để đảm bảo các mục tiêu liên quan đến quyền lợi của trẻ em đặt ra được thực hiện một cách khả thi						
7. Kế hoạch có xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đảm bảo các quyền của trẻ em.						
8. Kế hoạch có xây dựng cơ chế giám sát có sự tham gia của người hưởng lợi để đảm bảo tính công khai minh bạch						
9. Kế hoạch có xây dựng cơ chế liên kết với các đơn vị liên quan để đảm bảo các quyền lợi của trẻ						

Theo công ước quốc tế	Quyền được tham gia					
Theo luật Việt Nam	**Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lich**		**Quyền có tài sản**		**Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội**	
Tiêu chí	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)	Điểm	Nhận xét (giải thích điểm số)
10. Kế hoạch có đề cập tới cơ chế lồng ghép với các đơn vị liên quan để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch một cách khả thi						
11. Kế hoach dùng ngôn ngữ nhạy cảm với trẻ em nhằm tăng cường hiểu biết của trẻ em với tư cách là người hưởng quyền						
12. Các mục tiêu được thiết kế với sự tham gia của các nhóm trẻ em/người chăm sóc.						
13. (Với các kế hoạch không có tập trung vào trẻ em) kế hoạch có cơ chế cân nhắc tác động tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em						
14. Bản kế hoạch có đề cập tới các biện pháp giảm các tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với đời sống của trẻ em						
15. Kế hoach có xây dựng cơ chế kiểm toán xã hội dựa trên quyền trẻ em và việc chia sẻ thông tin nhằm đảm bảo việc công khai minh bạch các chương trình vì quyền trẻ em						
Tổng số điểm cho tài liệu, chính sách được đánh giá =						

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐIỆN BIÊN
Phố 9, phường Mường Thanh,
TP. Điện Biên Phủ - tỉnh Điện Biên
Tel: 0230.825.409
Fax: 0230.825.944
Email: skhdt@dienbien.gov.vn
Website: http://www.dienbiendpi.gov.vn

UNICEF VIỆT NAM
81A Trần Quốc Toản, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84.4) 3.942.5706 - 11 **/ Fax:** (+84.4) 3.942.5705
Email: hanoi.registry@unicef.org
Follow us: www.unicef.org/vietnam
www.facebook.com/unicefvietnam
www.youtube.com/unicefvietnam
www.flickr.com/photos/unicefvietnam